



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

**BIÊN BẢN HỌP**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI**

(Số: 06/2025/BBH – ĐHĐCD)

**I. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẠI HỘI**

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 của Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi; được khai mạc vào lúc: 08 giờ 00 ngày 09/04/2025 tại Hội trường Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi - Km 17, QL 26, xã Hòa Đông, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

**II. THỦ TỤC KHAI MẠC ĐẠI HỘI**

1. Bà Lê Đặng Uyên Đan thay mặt giới thiệu thành phần tham dự Đại hội.
2. Ông Phạm Đình Bộ, Trưởng Ban kiểm soát đọc báo cáo kết quả kiểm tra các cổ đông có đủ điều kiện tham dự Đại hội theo đó:

- Tổng số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự: 48 cổ đông.
- Tỷ lệ cổ phần đại diện và sở hữu của cổ đông tham dự: 12.489.219 cổ phần chiếm tỷ lệ 98,72 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông đã được tiến hành hợp pháp và hợp lệ theo quy định của Luật doanh nghiệp; Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

Bà Lê Đặng Uyên Đan thay mặt Ban Tổ chức giới thiệu thành phần Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban Kiểm phiếu tại Đại hội:

**Đoàn chủ tịch:**

- |                     |                              |
|---------------------|------------------------------|
| - Ông Đỗ Hoàng Phúc | - Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| - Ông Phạm Xuân Thụ | - Phó Chủ tịch HĐQT          |
| - Bà Đặng Thị Huyền | - Thành viên HĐQT            |

**Ban thư ký:**

- |                           |              |
|---------------------------|--------------|
| - Bà Võ Thị Cẩm Nhung     | - Trưởng ban |
| - Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng | - Thành viên |

**Ban kiểm phiếu:**

- |                            |              |
|----------------------------|--------------|
| - Ông Nguyễn Tiến Nghĩa    | - Trưởng ban |
| - Bà Nguyễn Thị Quỳnh Như  | - Thành viên |
| - Bà Lưu Thị Thu Hiền      | - Thành viên |
| - Bà Trương Thị Phương Nga | - Thành viên |



Đại hội biểu quyết thông qua danh sách Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu như trên để điều khiển Đại hội với tỷ lệ: 100% cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

3. Ông Nguyễn Tiến Nghĩa thay mặt Ban kiểm phiếu đọc quy định về thể lệ làm việc, biểu quyết tại Đại hội.

Đại hội biểu quyết thông qua Quy định về thể thức làm việc, biểu quyết tại Đại hội với tỷ lệ: 100% cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

4. Đoàn chủ tịch giới thiệu và thông qua nội dung Chương trình Đại hội:

Đại hội biểu quyết thông qua nội dung Chương trình Đại hội như trên với tỷ lệ: 100% cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

### **III. DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI**

1. Ông Đoàn Đình Hồng – Phó Tổng Giám đốc thay mặt Ban Tổng Giám Đốc báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

2. Ông Đỗ Hoàng Phúc - Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024; định hướng hoạt động năm 2025.

3. Ông Phạm Đình Bộ - Trưởng Ban Kiểm Soát thay mặt Ban Kiểm Soát báo cáo tình hình hoạt động của BKS năm 2024 và kế hoạch công tác năm 2025.

4. Bà Đặng Thị Huyền – Thành viên HĐQT trình bày các Tờ trình liên quan:

- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024.

- Tờ trình thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và thực hiện chia cổ tức đối với lợi nhuận sau thuế năm 2024.

- Tờ trình thông qua thù lao tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch năm 2025.

- Tờ trình ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.

- Tờ trình về việc không nhất trí với một số nội dung Kết luận Thanh tra số 42/KL-TTr ngày 28/02/2025.

- Báo cáo về việc thực hiện các Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và người có liên quan trong năm 2024.

5. Đại hội tiến hành thảo luận, góp ý và biểu quyết các nội dung báo cáo, tờ trình được trình bày tại Đại hội.

- Tóm tắt một số vấn đề được các cổ đông đưa ra thảo luận tại Đại hội như sau:

+ Ông Phạm Xuân Thụ người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần cà phê Thắng Lợi thông qua công văn 3354/UBND-KTTH của UBND tỉnh Đắk Lắk ngày 09 tháng



04 năm 2025 về việc: ý kiến nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần cà phê Thăng Lợi.

+ Nhiều ý kiến cổ đông chỉ trích UBND tỉnh Đắk Lắk thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết các vấn đề tồn tại về thi hành án, an ninh trật tự và môi trường làm việc cho nhà đầu tư tại công ty.

- Ý kiến đưa ra thảo luận đã được giải thích trực tiếp tại Đại hội.

+ Ông Đỗ Hoàng Phúc đã giải thích tất cả các vấn đề được đưa ra thảo luận.

6. Công bố kết quả kiểm phiếu các nội dung trình Đại Hội Đồng Cổ Đông biểu quyết:

Ông Nguyễn Tiến Nghĩa công bố kết quả như sau:

- Kết quả kiểm phiếu các nội dung trình Đại Hội Đồng Cổ Đông biểu quyết:

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành (%)	Không tán thành (%)	Không ý kiến (%)	Kết quả biểu quyết
1	Chương trình và nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.	100	0	0	Thông qua
2	Báo cáo số 53/2025/BC – BTGD của Ban Tổng Giám Đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2024 và Kế hoạch năm 2025.	100	0	0	Thông qua
3	Báo cáo số 54/2025/BC – HĐQT về hoạt động của HĐQT năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025.	100	0	0	Thông qua
4	Báo cáo số 55/2025/BC – BKS hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch công tác năm 2025.	100	0	0	Thông qua
5	Tờ trình số 56/2025/TT – HĐQT về việc thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024.	100	0	0	Thông qua
6	Tờ trình số 57/2025/TT – HĐQT V/v Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và thực hiện chia cổ tức đối với lợi nhuận sau thuế năm 2024.	63,54	36,46	0	Thông qua
7	Tờ trình số 58/2025/TT – HĐQT V/v Thông qua Thù lao tiền thưởng	100	0	0	Thông qua



STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành (%)	Không tán thành (%)	Không ý kiến (%)	Kết quả biểu quyết
	Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch năm 2025.				
8	Tờ trình số 59/2025/TT – HĐQT về việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.	100	0	0	Thông qua
9	Tờ trình số 60/2025/TT – HĐQT về việc không nhất trí với một số nội dung Kết luận Thanh tra số 42/KL-TTr ngày 28/02/2025	63,54	36,46	0	Thông qua
10	Báo cáo số 60/2025/BC – HĐQT Về kết quả thực hiện hợp đồng, giao dịch giữa công ty và người có liên quan năm 2024.	100	0	0	Thông qua

Đại hội kết thúc vào lúc 11 giờ 30 phút cùng ngày.

Biên bản đã được đọc trước Đại hội và được Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100% số phiếu có quyền biểu quyết tán thành.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

**ĐOÀN CHỦ TỊCH**

**CHỦ TỊCH HĐQT**

**THÀNH VIÊN HĐQT**



*Đỗ Hoàng Phúc*

*Nguyễn Thị Huyền*

*Phạm Xuân Thu*  
**BAN THƯ KÝ**

*Võ Thị Cẩm Nhung* *Nguyễn Thị Diễm Hằng*





**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LÔI**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

*Đắk Lắk, ngày 09 tháng 04 năm 2025*

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU**  
**KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG**  
**TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

*(Số: 06/2025/BBKP – ĐHĐCD)*

Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.

Hôm nay, vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 09 tháng 04 năm 2025 tại Hội trường Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lôi, các thành viên trong Ban kiểm phiếu gồm:

1. Ông: Nguyễn Tiến Nghĩa                      - Trưởng ban
2. Bà: Nguyễn Thị Quỳnh Như                - Thành viên
3. Bà: Lưu Thị Thu Hiền                        - Thành viên
4. Bà: Trương Thị Phương Nga              - Thành viên

- Đến thời điểm 11 giờ 00 phút ngày 09 tháng 04 năm 2025, tổng số cổ đông tham dự và uỷ quyền tham dự là 54 cổ đông, tương ứng với 12.494.319 cổ phần, chiếm tỷ lệ 98,77% tổng số cổ phần có quyền tham dự Đại hội.

- Cập nhật đến thời điểm kiểm phiếu kết quả biểu quyết, tổng số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự là 54 cổ đông, tương ứng với 12.494.319 cổ phần, chiếm tỷ lệ 98,77% tổng số cổ phần có quyền tham dự Đại hội.

- Ban kiểm phiếu đã tiến hành kiểm phiếu biểu quyết các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lôi.


STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành (%)	Không tán thành (%)	Không ý kiến (%)	Kết quả biểu quyết
1	Chương trình và nội dung cuộc họp ĐHĐCD thường niên năm 2025.	100%	-	-	Thông qua
2	Báo cáo số 53/2025/BC – BTGD của Ban Tổng Giám Đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2024 và Kế hoạch năm 2025.	100%	-	-	Thông qua

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành (%)	Không tán thành (%)	Không ý kiến (%)	Kết quả biểu quyết
3	Báo cáo số 54/2025/BC – HĐQT về hoạt động của HĐQT năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025.	100%	-	-	Thông qua
4	Báo cáo số 55/2025/BC – BKS hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch công tác năm 2025.	100%	-	-	Thông qua
5	Tờ trình số 56/2025/TT – HĐQT về việc thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024.	100%	-	-	Thông qua
6	Tờ trình số 57/2025/TT – HĐQT V/v Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và thực hiện chia cổ tức đối với lợi nhuận sau thuế năm 2024.	63,54%	36,46%	-	Thông qua
7	Tờ trình số 58/2025/TT – HĐQT V/v Thông qua Thù lao tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch năm 2025.	100%	-	-	Thông qua
8	Tờ trình số 59/2025/TT – HĐQT về việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.	100%	-	-	Thông qua
9	Tờ trình số 60/2025/TT – HĐQT về việc không nhất trí với một số nội dung Kết luận Thanh tra số 42/KL-TTr ngày 28/02/2025	63,54%	36,46%	-	Thông qua
10	Báo cáo số 60/2025/BC – HĐQT Về kết quả thực hiện hợp đồng, giao dịch giữa công ty và người có liên quan năm 2024.	100%	-	-	Thông qua

Việc kiểm phiếu biểu quyết được kết thúc vào hồi 11. giờ 30 phút cùng ngày.  
Chúng tôi cam kết về tính chính xác của việc kiểm phiếu trên.

**CÁC THÀNH VIÊN BAN BẦU CỬ VÀ KIỂM PHIẾU**

**Trưởng ban**

  
Nguyễn Quốc Nghĩa

**Thành viên ban**

  
Nguyễn Thị Quỳnh Như

  
Trương Thị Phương Nga

  
Lưu Thị Thu Hiền



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LÔI**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

**CHƯƠNG TRÌNH**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

- Thời gian: 7 giờ 30 phút, ngày 09 tháng 04 năm 2025
- Địa điểm: Hội trường trụ sở chính Văn phòng Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lôi
- Địa chỉ: Km 17, Quốc lộ 26, xã Hòa Đông, huyện K'Rông Păk, tỉnh Đắk Lắk

STT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	CHỦ TRÌ
1.	07h30 – 08h20	- Đón khách; - Thực hiện thủ tục đăng ký, kiểm tra tư cách cổ đông/người dự họp; - Phát tài liệu họp.	Ban kiểm tra tư cách cổ đông
2.	07h30 – 08h00	- Khai mạc Đại hội; - Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông/người dự họp;	Ban kiểm tra tư cách cổ đông
3.	08h00 – 08h20	- Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, chỉ định Thư ký/Ban Thư ký & thông qua thành phần Ban kiểm phiếu; - Thông qua Chương trình Đại hội; - Thông qua thể lệ làm việc, biểu quyết tại Đại hội.	Ban tổ chức Chủ tọa Ban kiểm phiếu
4.	08h20 – 08h30	Báo cáo Ban Tổng Giám Đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch năm 2025.	Phó Tổng Giám đốc
5.	08h30 – 08h40	Báo cáo HĐQT về hoạt động trong năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025.	Chủ tịch HĐQT
6.	08h40 – 08h50	Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025.	Trưởng BKS
7.	08h50 – 09h00	Các Tờ trình với nội dung sau: - Tờ trình thông qua Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2024. - Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2024. - Tờ trình về việc thông qua tổng thù lao tiền thưởng HĐQT & BKS năm 2024 và kế hoạch năm 2025. - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2025. - Tờ trình về việc không nhất trí với nội dung Kết luận Thanh tra số 42/KL-TTTr ngày 28/02/2025. - Báo cáo về việc thực hiện các Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và người có liên quan trong năm 2024. - Các nội dung khác (nếu có).	Thành viên Đoàn Chủ tịch
8.	09h00-09h20	Đại hội thảo luận về nội dung của các Báo cáo và Tờ trình Đại hội.	Đoàn Chủ tịch
		Đại hội biểu quyết thông qua các báo cáo và Tờ trình.	





**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

9.	09h20 – 09h40		Đoàn Chủ tịch Ban kiểm phiếu
10	09h40 – 10h00	- Kiểm phiếu - Nghỉ giải lao	Ban kiểm phiếu
9.	10h00 – 10h40	Công bố kết quả kiểm phiếu.	Ban kiểm phiếu Đoàn Chủ tịch
10.	10h40 – 10h45	Thông qua biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2025.	Ban Thư ký
11.	10h50	Phát biểu tổng kết và Bế mạc đại hội	Đoàn Chủ tịch

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**CHỦ TỊCH HĐQT**

*Đỗ Hoàng Phúc*

Số: 53/2025/BC – BTGD

Hòa Đông, ngày 18 tháng 03 năm 2025

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024  
VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025**



**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cà phê Thăng Lợi**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị về sản xuất kinh doanh năm 2024.

Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 để tổng kết công tác sản xuất kinh doanh năm 2024 & triển khai phương hướng nhiệm vụ SXKD năm 2025.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc, Tôi xin trình bày Báo cáo như sau:

**PHẦN THỨ NHẤT**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024**

**I. Kết quả thực hiện SXKD năm 2024**

**1. Về sản xuất:**

**1.1. Kết quả thu hồi các khoản nợ đối với người nhận khoán và liên kết**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số phải nộp đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ		Số còn nợ cuối kỳ
			Phát sinh tăng (Phải nộp trong kỳ)	Phát sinh giảm (đã nộp trong kỳ)	
Sản lượng giao khoán	Kg CPQT	12.851.167	3.057.761	939.833	<b>14.969.095</b>
Tiền thuê đất	Đồng	13.214.689.962	2.443.645.317	2.012.022.977	<b>13.646.312.302</b>
Vay tái canh	Đồng	178.700.000		3.700.000	<b>175.000.000</b>
Phân vô cơ	Đồng	576.100.000		19.242.000	<b>556.858.000</b>

**1.2. Một số hoạt động công tác khác liên quan đến sản xuất:**

- Năm 2024 Công ty tiếp tục mời người nhận khoán lên công ty để ký hợp đồng giao khoán mới, bao gồm hợp đồng đã hết thời hạn, trồng mới tái canh chuyển lên kinh doanh và hợp đồng theo tư cách pháp nhân mới công ty cổ phần.

- Kiểm tra và làm thủ tục thanh lý cây muồng đen đối với những trường hợp có nhu cầu thanh lý, đồng thời kiểm tra và xử lý bồi thường cây muồng đen đối với những trường hợp tự ý chặt hạ, chiếm đoạt cây muồng đen, những trường hợp ký hợp đồng giao khoán mới và chốt BHXH.

- Tuần tra, kiểm tra lô đồng phát hiện, lập biên bản xử lý các vụ tự ý chặt hạ, chiếm đoạt cây muồng đen trên lô cà phê.

- Tiến hành đối chiếu, xác nhận công nợ tại thời điểm 30/6/2024, tuy nhiên số người đến đối chiếu xác nhận rất thấp không đáng kể.

- Cung cấp hồ sơ, tài liệu, chứng cứ liên quan cho Tòa án đối với các vụ án Công ty tiến hành khởi kiện. Đồng thời phối hợp trong việc tổ chức kiểm đếm, định giá vườn cây theo đúng quy định của pháp luật.

- Kiểm tra diện tích cà phê phát triển kém theo đề nghị của người nhận khoán và giải quyết cho thanh lý 3,50 ha /4 lô.

## **2. Về Kinh doanh:**

### **2.1 Kinh doanh cà phê:**

- Cà phê nhân: Năm 2024 chứng kiến sự biến động mạnh mẽ về giá cà phê từ trước tới nay. Giá cà phê trong nước giao động với biên độ lớn từ 58.000đ/kg lên đến 135.000đ/kg. Nguồn cung sản lượng trong nước năm 2024 cũng sụt giảm một phần do khí hậu thời tiết thay đổi và một phần do diện tích canh tác cà phê bị thu hẹp, vườn cây kinh doanh già cỗi, tỷ lệ tái canh lại cây cà phê thấp,...mặt khác nông dân ưu tiên trồng xen các loại cây ăn trái khác mang giá trị kinh tế cao hơn so với cây cà phê ở thời điểm hiện tại. Trước những khó khăn về nguồn cung và với dự báo trước giá sẽ tiếp tục tăng trong năm 2024, phòng Kinh doanh không đi theo tập quán kinh doanh chung của ngành, và đã tham mưu Ban lãnh đạo công ty chiến lược đúng đắn, đem về những hiệu quả kinh doanh trong năm 2024.

- Cà phê rang xay, hòa tan: Đây là ngành nghề mới trong năm 2024 công ty đang dần hoàn thiện các mặt hàng và làm thị trường, vì vậy chưa có hiệu quả.

### **2.2 Kinh doanh khác:**

- Ngoài ngành nghề sản xuất, kinh doanh cà phê Công ty còn kinh doanh các ngành nghề, lĩnh vực khác: cho thuê nhà kho, nhà xưởng, hoạt động tài chính....cũng mang lại hiệu quả trong năm 2024



## KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024 so với KH năm 2024
A	SẢN PHẨM CÀ PHÊ	Tấn nhân	3.181	6.310	50%
B	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
I	Tổng doanh thu	Triệu đồng	306.140	395.586	77%
II	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	59.433	5.114	1.162%
III	Thuế TNDN	Triệu đồng	12.401	1.023	1.212%
IV	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	47.032	4.091	1.150%

### II. Một số tồn tại hạn chế. nguyên nhân:

#### 1. Tồn tại hạn chế:

Năm 2024 mặc dù đã có một số kết quả khả quan trong lĩnh vực sản xuất: như việc thu sản lượng giao khoán, thu hồi các khoản công nợ và một số trường hợp người nhận khoán, người làm cà phê liên kết với công ty đã ý thức được việc làm trái quy định của mình nên đã tự nguyện ký hợp đồng giao khoán mới, trả các khoản nợ khác.... Tuy nhiên, kết quả đạt được còn thấp, không đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Đến thời điểm 31/12/2024 còn trên 1000 hợp đồng cả hết hạn cũng như chưa hết hạn chưa ký lại hợp đồng mới, dẫn đến việc còn nợ công ty:

- Nợ sản lượng giao khoán từ năm 2018 đến 2024 là: 14.969.095 kg cà phê quả tươi tương đương gần 400 tỷ đồng, so với giá thị trường hiện nay.

- Nợ tiền thuê đất (bao gồm truy thu và các năm từ 2018-2024): 13.646.312.302 đồng.

- Nợ tiền vay tái canh: 175.000.000 đồng.

- Nợ tiền phân vô cơ: 556.858.000 đồng.

Đồng thời việc tự ý chặt hạ, chiếm đoạt cây muồng đen và tự ý thanh lý lô cà phê chưa được sự nhất trí của công vẫn tiếp tục diễn ra; an ninh trật tự vẫn còn diễn biến phức tạp chưa được giải quyết dứt điểm.

- Công tác quyết toán vốn đến nay vẫn chưa thực hiện xong và phương án sử dụng đất tại Thành phố Hồ Chí Minh và Bình Dương vẫn chưa được phê duyệt làm ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của công ty.

- Về công tác chuyên môn nghiệp vụ: một số CBNV các phòng ban có những lúc, những khi còn thiếu sót trong công việc dẫn đến hiệu quả công việc chưa kịp thời, đầy đủ.

## **2. Nguyên nhân:**

- Công tác vận động tuyên truyền vẫn còn có hạn chế, hiệu quả đạt được chưa cao do người dân cố tình không hợp tác.

- Công tác kiểm tra, quản lý lô đồng có những lúc, những thời điểm vẫn chưa sát sao, dẫn đến việc chưa phát hiện kịp thời một số vụ việc vi phạm trên lô cà phê, đặc biệt là những lô đã có bản án.

- Các bản án dân sự sơ thẩm phúc thẩm về tranh chấp hợp đồng giao khoán giữa công ty và người nhận khoán có hiệu lực pháp luật đã khá lâu (có những vụ đã 03 năm nay) nhưng cơ quan thi hành án vẫn chưa tổ chức thực hiện được, cũng như nhóm người cầm đầu xúi dục, lôi kéo người nhận khoán chống đối Công ty vẫn chưa được xử lý dẫn đến việc coi thường pháp luật và chống đối công ty.

## **III. Công tác tổ chức bộ máy. lao động**

### **1. Công tác tổ chức và nhân sự:**

Tổng số lao động đến 31/12/2024 là 78 người, trong đó: có 39 lao động nữ; lao động có trình độ đại học và trên đại học là 19 người chiếm 24,36 %; trình độ cao đẳng là 5 người chiếm 6,41 %; trình độ trung cấp là 5 người chiếm 6,41 %; Lao động phổ thông là 49 người chiếm 62,82 %.

### **2. Về tình hình đời sống, việc làm & an toàn sản xuất cho người lao động**

- Công ty vẫn duy trì công việc ổn định cho người lao động với mức thu nhập bình quân: 8.249.915 đồng/người/tháng.

- Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động đầy đủ.

- Công tác an toàn vệ sinh lao động, trang bị bảo hộ lao động và phòng chống cháy nổ luôn được Công ty quan tâm thực hiện, phổ biến, tuyên truyền, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho người lao động nhằm nâng cao nhận thức về an toàn lao động, an toàn phòng chống cháy nổ.

- Công tác trang bị đồng phục bảo hộ lao động cho người lao động được Công ty thực hiện hàng năm theo quy định.

### **3. Thực hiện chế độ Bảo hiểm đối với người lao động:**

Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện nộp đầy đủ. kịp thời các chế độ chính sách BHXH, Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động, Cụ thể như sau:

- Bảo hiểm xã hội: 1.316.616.089 đồng; đạt 100%

- Bảo hiểm thất nghiệp: 253.688.703 đồng; đạt 100%
- Bảo hiểm y tế: 110.577.646 đồng; đạt 100%

## PHẦN THỨ HAI

### KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

#### I. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

##### 1. Mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	KH năm 2025 so với TH năm 2024
A	SẢN PHẨM CÀ PHÊ	Tấn nhân	3.181	4.110	129%
B	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
I	Tổng doanh thu	Triệu đồng	306.140	547.500	179%
II	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	59.433	15.256	26%
III	Thuế TNDN	Triệu đồng	12.401	3.204	26%
IV	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	47.032	12.052	26%

##### 2. Những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể:

###### 2.1. Đối với hoạt động sản xuất vườn cây cà phê

- Toàn thể cán bộ nhân viên công ty tiếp tục nỗ lực phấn đấu yên tâm công tác có lập trường kiên định vững vàng, ý thức trách nhiệm với công việc, khắc phục những tồn tại, hạn chế, những khó khăn trong năm 2024 để hoàn thành tốt hơn nữa nhiệm vụ được giao.

- Tăng cường hơn nữa công tác tuần tra, kiểm tra lô đồng để nắm bắt, ghi nhận báo cáo và xử lý kịp thời các vụ việc vi phạm trên lô cà phê nhận khoán, đặc biệt là những lô đã có bản án của Tòa án để không làm thất thoát tài sản của công ty cũng như phát sinh thêm các loại tài sản khác ngoài bản án gây khó khăn trong quá trình thi hành án.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác vận động tuyên truyền đối với người nhận khoán để mọi người từng bước có nhận thức đúng đắn từ đó hợp tác với công ty trong việc thực hiện nghiêm túc hợp đồng giao khoán.



- Tăng cường công tác thu hồi các khoản nợ với nhiều hình thức và biện pháp nhằm đạt kết quả tăng cao hơn năm 2024 từ 30% trở lên.

- Rà soát, lập đoàn đi kiểm tra thực tế đánh giá và xin ý kiến HĐQT cho thanh lý một số vườn cây cà phê phát triển kém năng suất thấp theo đề nghị của người nhận khoán (nếu có). Chủ trương sẽ trồng giống mới cho năng suất cao, Công ty sẽ cùng đầu tư vốn ngay từ năm đầu thực hiện trồng mới tái canh vườn cà phê. Đồng thời xây dựng quy trình, định mức đầu tư trồng mới tái canh để triển khai thực hiện.

- Tiếp tục khởi kiện thêm một số trường hợp đầu đơn, cũng như tự ý chuyển nhượng vườn cây cho nhau không thông qua công ty.

- Phối hợp với cơ quan thi hành án thi hành nghiêm, triệt để đối với các bản án đã có hiệu lực pháp luật nhằm thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật để tình hình công ty từng bước ổn định. Hình thức thực hiện Công ty sẽ tiếp nhận bàn giao tài sản thi hành án từ cơ quan thi hành án, tổ chức đấu giá giao khoán vườn cây, ký kết hợp đồng giao khoán cho người trúng đấu giá.

## **2.2. Đối với hoạt động kinh doanh cà phê thu mua ngoài**

Căn cứ vào tình hình thị trường để điều chỉnh sản lượng mua bán hợp lý. Hiện nay do giá kỳ hạn đang ở mức rất cao, giá trừ lùi giảm sâu do vậy ưu tiên ký các hợp đồng giao gần, chốt giá nhanh để tránh việc giá giảm gây thiệt hại cho công ty.

- Đẩy mạnh chào bán cho các đối tác truyền thống, đồng thời tăng cường kết nối, thiết lập mối quan hệ với khách hàng mới để chào bán. Đối với các khách hàng mới, phòng Kinh doanh cân đối mức lợi nhuận thấp hơn để khớp hợp đồng, tạo điều kiện mở rộng khối lượng mua bán.

- Chào bán đa dạng sản phẩm, theo dõi chốt giá phù hợp đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

- Kết hợp xưởng chế biến để giám sát công tác chế biến, công tác quản lý chất lượng của bộ phận KCS để đảm bảo chất lượng đầu ra.

- Thiết lập, duy trì các mối quan hệ với các bên dịch vụ giám định, các cấp thẩm quyền liên quan để hoàn thành các thủ tục xuất khẩu đạt tiến độ.

- Xưởng chế biến tiếp tục chỉ đạo thực hiện việc sản xuất cà phê, đảm bảo đúng chất lượng hàng hoá tiến độ giao hàng cho khách hàng theo yêu cầu.

- Mở rộng, xây dựng mới nhà xưởng để tăng năng lực sản xuất và phát triển thị trường.

- Đầu tư hệ thống máy móc thiết bị sản xuất công nghệ hiện đại, nâng cao năng lực sản xuất nhằm phát triển và mở rộng hoạt động kinh doanh.

## **2.3. Đối với hoạt động chế biến cà phê rang xay và hòa tan**

- Tuyển dụng nhân sự kinh doanh có kinh nghiệm.

- Phát triển thị trường đối với sản phẩm cà phê rang xay, hòa tan trong và ngoài nước, đẩy mạnh xuất khẩu.

- Triển khai việc sản xuất chế biến, kinh doanh cà phê bột theo đúng phương án và kế hoạch đề ra.

- Đầu tư cơ sở vật chất, máy móc thiết bị đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh

#### **2.4. Các lĩnh vực kinh doanh khác**

- Linh hoạt trong hoạt động tài chính để tăng thu, giảm chi phí lãi vay.

- Xây dựng mới kho xưởng nhằm mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh ở nhiều lĩnh vực khác và nâng cao hiệu quả việc sử dụng, cho thuê nhà kho nhà xưởng hiện hữu.

#### **2.5. Một số nhiệm vụ khác**

- Thu thập, chuẩn bị hồ sơ tài liệu liên quan phục vụ Ban chỉ đạo cổ phần hoá công ty thực hiện công tác quyết toán vốn, thời gian quyết toán xong trong quý I/2025.

- Tiếp tục làm việc, đôn đốc các sở ngành liên quan của tỉnh tham mưu UBND tỉnh phê duyệt phương án sử dụng đất của công ty tại thành phố Hồ Chí Minh và Bình Dương.

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở tại doanh nghiệp, phối hợp với công đoàn tổ chức hội nghị người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

Trên đây là một số đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2025 kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn Quý vị đại biểu./.

#### **Nơi nhận:**

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT.BKS.BTGD;
- Lưu: VT.

#### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**



*Đoàn Đình Hồng*

Số: 54/2025/BC – HĐQT

Đắk Lắk, ngày 18 tháng 03 năm 2025

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

**Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cà phê Thắng Lợi**

Tháng 04 năm 2024, Công ty cổ phần cà phê Thắng Lợi đã tổ chức thành công đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Trong năm 2024, Hội đồng Quản trị ghi nhận công tác chỉ đạo điều hành của Ban Tổng Giám đốc, cùng với sự đoàn kết, quyết tâm và đóng góp của tất cả Cán bộ, công nhân viên, người lao động. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần cà phê Thắng Lợi xin báo cáo kết quả hoạt động của năm 2024 bám sát theo kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đề ra trong năm.

**I. CÁC KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2024.**

**1. Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của Hội đồng quản trị.**

- Trong năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần cà phê Thắng Lợi đã tiến hành 16 phiên họp và ban hành 16 Nghị quyết, cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2024/NQ – HĐQT	12/01/2024	V/v thông qua các nội dung tại cuộc họp Hội Đồng Quản Trị ngày 12/01/2024	100%
2	02/2024/NQ – HĐQT	26/02/2024	V/v thông qua phương án tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	100%
3	03/2024/NQ – HĐQT	08/03/2024	V/v thông qua phương án bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị và thành viên Ban Kiểm Soát Công ty nhiệm kỳ năm 2024-2028	100%
4	04/2024/NQ – HĐQT	25/03/2024	V/v thông qua các nội dung tài liệu tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024	100%
5	05/2024/NQ – HĐQT	24/04/2024	V/v bầu Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần cà phê Thắng Lợi nhiệm kỳ 2024 - 2028	100%



6	06/2024/NQ – HĐQT	24/04/2024	V/v bầu Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần cà phê Thắng Lợi nhiệm kỳ 2024 - 2028	100%
7	08/2024/NQ – HĐQT	27/04/2024	Về việc phê duyệt cử thành viên Hội đồng quản trị đi công tác tại Hoa Kỳ	100%
8	09/2024/NQ – HĐQT	27/04/2024	Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư hệ thống nhà kho, xưởng chế biến	100%
9	10/2024/NQ – HĐQT	05/07/2024	Về việc ban hành Phương án xác định hiệu quả cây sầu riêng, cây hồ tiêu	100%
10	11/2024/NQ – HĐQT	12/07/2024	Về việc không thông qua đối với đề xuất của TGD về việc chia cổ tức năm 2023	100%
11	13/2024/NQ – HĐQT	15/07/2024	Về việc ban hành Quy định về thanh lý, cải tạo đất và tái canh vườn cây cà phê vối	100%
12	14/2024/NQ – HĐQT	15/07/2024	Về việc ban hành Quy trình tái canh vườn cây cà phê vối	100%
13	15/2024/NQ – HĐQT	15/07/2024	Về việc đầu tư xây dựng mới Hệ thống nhà kho, xưởng chế biến (nhà xưởng sx cafe nhân)	100%
14	16/2024/NQ – HĐQT	07/08/2024	Thông qua việc hỗ trợ chi phí tổ chức lễ hội sầu riêng huyện không pắc lần thứ II năm 2024	100%
15	16a/2024/NQ – HĐQT	20/09/2024	V/v vay vốn tại Vietcombank-Đắk Lắk	100%
16	17/2024/NQ – HĐQT	03/10/2024	V/v phê duyệt phân giao nhiệm vụ, quyền hạn cho Phó chủ tịch thường trực HĐQT và các chế độ liên quan	100%

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị thực hiện nghiêm túc các công tác quản trị doanh nghiệp, chiến lược về nhân sự ... theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cà phê Thắng Lợi.

Hội đồng quản trị duy trì họp theo quy định mỗi quý ít nhất họp một lần để xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với sự tham gia của Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám Đốc Công ty.

Hội đồng quản trị đã phân công nhiệm vụ cụ thể đến các thành viên, tăng cường vai trò tham mưu của các Cán bộ quản lý. Các Thành viên Hội đồng quản trị cũng đã có cố gắng

hoàn thành chức trách của mình, hành động vì lợi ích của cổ đông trong mối quan hệ hài hòa với lợi ích của Công ty và Người lao động.

**2. Tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024**

Năm 2024 tiếp tục là một năm khó khăn và một số vấn đề còn tồn đọng chưa thể giải quyết như:

- Về phần tài chính: Công ty vẫn chưa được phê duyệt quyết toán bàn giao vốn giữa Công ty TNHH MTV Cà Phê Thắng Lợi và Công ty cổ phần Cà Phê Thắng Lợi làm ảnh hưởng đến hoạt động tài chính của Công ty.
- Về sản xuất: Tình hình sản xuất của Công ty tiếp tục gặp khó khăn bởi đa số người nhận khoán vẫn chưa hợp tác với Công ty trong thực hiện hợp đồng giao khoán, cụ thể:

***Thu nợ sản lượng giao khoán 2018; 2019; 2020; 2021; 2022; 2023 và thu sản lượng năm 2024***

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số phải nộp đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ		Số còn nợ cuối kỳ
			Phát sinh tăng (Phải nộp trong kỳ)	Phát sinh giảm (đã nộp trong kỳ)	
Sản lượng giao khoán	Kg CPQT	12.851.167	3.057.761	939.833	<b>14.969.095</b>
Tiền thuê đất	Đồng	13.214.689.962	2.443.645.317	2.012.022.977	<b>13.646.312.302</b>
Vay tái canh	Đồng	178.700.000		3.700.000	<b>175.000.000</b>
Phân vô cơ	Đồng	576.100.000		19.242.000	<b>556.858.000</b>

- Về Kinh doanh:

Cà phê nhân: Năm 2024 chứng kiến sự biến động mạnh mẽ về giá cà phê từ trước tới nay. Giá cà phê trong nước giao động với biên độ lớn từ 58.000đ/kg lên đến 135.000đ/kg. Nguồn cung sản lượng trong nước năm 2024 cũng sụt giảm một phần do khí hậu thời tiết thay đổi và một phần do diện tích canh tác cà phê bị thu hẹp, vườn cây kinh doanh già cỗi, tỷ lệ tái canh lại cây cà phê thấp,...mặt khác nông dân ưu tiên trồng xen các loại cây ăn trái khác mang giá trị kinh tế cao hơn so với cây cà phê ở thời điểm hiện tại. Trước những khó khăn về nguồn cung và với dự báo trước giá sẽ tiếp tục tăng trong năm 2024, phòng Kinh doanh không đi theo tập quán kinh doanh chung của ngành, và đã tham mưu Ban lãnh đạo công ty chiến lược đúng đắn, đem về những hiệu quả kinh doanh trong năm 2024.

Cà phê rang xay, hòa tan: Đây là ngành nghề mới trong năm 2024 công ty đang dần hoàn thiện các mặt hàng và làm thị trường, vì vậy chưa có hiệu quả.

**Các chỉ tiêu cơ bản năm 2024**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024 so với KH năm 2024
A	SẢN PHẨM CÀ PHÊ	Tấn nhân	3.181	6.310	50%
B	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
I	Tổng doanh thu	Triệu đồng	306.140	395.586	77%
II	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	59.433	5.114	1.162%
III	Thuế TNDN	Triệu đồng	12.401	1.023	1.212%
IV	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	47.032	4.091	1.150%

**3. Về phân chi trả thù lao, tiền thưởng và các chế độ khác cho thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát năm 2024:**

Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2024 về việc thông qua kế hoạch chi thù lao đối với HĐQT và BKS. Trong năm 2024 thực hiện chi trả tổng thù lao và thưởng của HĐQT và BKS là 843.677.778 đồng/năm.

**4. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng giám đốc**

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty và những quy chế, quy định đã ban hành, HĐQT thực hiện chức năng giám sát bộ máy quản lý và điều hành Công ty thường xuyên, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, văn bản báo cáo của Ban tổng giám đốc và cán bộ quản lý các phòng nghiệp vụ chuyên môn.

- Hội đồng quản trị tin tưởng các giải pháp trong công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc, sự đồng lòng của cán bộ, công nhân viên, người lao động, Công ty sẽ đạt được các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông tin tưởng giao phó, từng bước khắc phục các trở ngại trong bối cảnh còn nhiều khó khăn phía trước.

**5. Kết quả giám sát đối với Trưởng - Phó các Phòng ban, Chi nhánh, Địa điểm kinh doanh:**

Hội đồng quản trị luôn song hành cùng Ban điều hành và Trưởng – Phó các bộ phận trong từng hoạt động, đưa ra các chỉ đạo kịp thời. Chủ tịch Hội đồng quản trị thường xuyên làm việc với Ban Tổng Giám đốc và các cấp quản lý khác, định kỳ họp giao ban bình quân 01 lần/tháng để nắm bắt tiến độ xử lý công việc. Các thành viên của Hội đồng quản trị thường xuyên hội ý, thống nhất các giải pháp về đầu tư, tài chính, kinh doanh, giảm thiểu các chi phí vận hành để đảm bảo nguồn tài chính của công ty... Vì vậy, Công ty đã hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ đã được Đại hội cổ đông năm 2024 đề ra.

**6. Đối với các giao dịch giữa công ty và người liên quan của Công ty:**

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty thường niên năm 2024 ngày 24/04/2024 về phê duyệt chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty và người có liên quan. Hội Đồng Quản Trị kính báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông về kết quả thực hiện hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Người có liên quan năm 2024 cụ thể như sau:

STT	Số hợp đồng/Phụ lục hợp đồng	Nội dung thực hiện	Giá trị thực năm 2024 (Đồng)
<b>I</b>	<b>Công ty cổ phần cấp nước Đắk Lắk</b> Số 339 Tôn Đức Thắng, P. Tân An, TP. BMT, tỉnh Đắk Lắk MST: 6000175995		
1	06/2024-HĐMB ngày 01/05/2024	Hợp đồng nguyên tắc về việc cung ứng hàng hoá sản phẩm nước uống <i>(Hợp đồng nguyên tắc về ký kết giao dịch mua bán, giá trị thực hiện phát sinh theo từng đơn hàng cụ thể)</i>	<b>11.209.754</b>
2	19/2024-HĐMĐ ngày 19/04/2024	Hợp đồng nguyên tắc về việc cung ứng hàng hoá sản phẩm cà phê <i>(Hợp đồng nguyên tắc về ký kết giao dịch mua bán, giá trị thực hiện phát sinh theo từng đơn hàng cụ thể)</i>	<b>16.120.000</b>
<b>II</b>	<b>Công Ty TNHH Đầu Tư Và Thương Mại Nam Phương</b>		



	Km số 7, cụm Công nghiệp Mai Sơn, xã Mai Sơn, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình MST: 2700281328		
	01/TL-NP.2024 ngày 21/11/2024	Hợp đồng nguyên tắc về mua bán cà phê ( <i>Hợp đồng nguyên tắc về ký kết giao dịch mua bán, giá trị thực hiện phát sinh theo từng đơn hàng cụ thể</i> )	<b>60.290.000</b>

## II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

### 1. Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	KH năm 2025 so với TH năm 2024
<b>A</b>	<b>SẢN PHẨM CÀ PHÊ</b>	Tấn nhân	<b>3.181</b>	<b>4.110</b>	<b>129%</b>
<b>B</b>	<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH</b>				
<b>I</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	Triệu đồng	<b>306.140</b>	<b>547.500</b>	<b>179%</b>
<b>II</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	Triệu đồng	<b>59.433</b>	<b>15.256</b>	<b>26%</b>
<b>III</b>	<b>Thuế TNDN</b>	Triệu đồng	<b>12.401</b>	<b>3.204</b>	<b>26%</b>
<b>IV</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	Triệu đồng	<b>47.032</b>	<b>12.052</b>	<b>26%</b>

### 2. Giải pháp thực hiện.

- Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành tập trung công tác thu sản lượng nợ của người nhận khoán thông qua việc kết hợp với các cơ quan chính quyền địa phương, đồng thời nghiên cứu và đưa ra các chính sách hỗ trợ phù hợp, chính sách khuyến khích áp dụng cho người nhận khoán.

- Đầu tư nâng cấp hệ thống kho Xưởng sản xuất cà phê với công nghệ hiện đại để đáp ứng nhu cầu thị trường và nâng cao hiệu quả sản xuất mang lại lợi ích cho Công ty. Xây dựng

thêm xưởng tại trụ sở Công ty để đáp ứng nhu cầu thuê kho tại địa bàn. Nâng cao hiệu quả việc sử dụng, cho thuê nhà kho nhà xưởng.

- Trong năm 2025, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục chỉ đạo triển khai các công việc đầu tư phát triển lĩnh vực sản xuất và kinh doanh mặt hàng cà phê rang xay hòa tan, thành lập các địa điểm bán hàng tại các vùng kinh doanh trọng yếu của nước là thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh. Đẩy mạnh phát triển kinh doanh cả thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Tiếp tục gắn kết và tạo uy tín đối với các đối tác cũ bao gồm cả đầu vào và đầu ra của Công ty, tăng sản lượng mua bán.

- Xúc tiến mở rộng thị phần trong tỉnh và các tỉnh lân cận, tìm kiếm các đối tác mới, liên kết kinh doanh với các công ty, doanh nghiệp hợp tác xã trồng, chế biến cà phê; Phát triển tìm kiếm khách hàng đầu ra trong nước và quốc tế thông qua môi giới và các công ty nước ngoài đang kinh doanh cà phê trong nước.

- Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ khối lượng, chất lượng hàng hóa nhập vào, xuất đi theo đúng hợp đồng ký kết; bố trí, sắp xếp lại tổ chức sản xuất tại xưởng sản xuất cà phê, cũng như rà soát lại định mức giao khoán cho phù hợp thị trường.

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp và môi trường làm việc tích cực, hiện đại, quyết liệt, tăng cường đào tạo phát triển nhân sự để xây dựng nguồn nhân lực chuyên nghiệp, vững mạnh, đáp ứng nhu cầu phát triển lâu dài của Công ty.

Trên đây là Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Ban TGD;
- Website Công ty;
- Lưu: VT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**CHỦ TỊCH HĐQT**

*Lỗ Hoàng Phúc*



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

*Đắk Lắk, ngày 18 tháng 03 năm 2025*

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**  
*Số: 55/2025/BC – BKS*

-----

**Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi.**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi;  
Căn cứ chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát đã được quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi;

Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024 bởi Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc;

Theo chương trình kiểm soát 2024, Ban kiểm soát Công ty xin báo cáo trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 về kết quả kiểm soát như sau:

**1. Hoạt động của Ban kiểm soát 2024:**

Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã tổ chức họp định kỳ là 02 lần/năm và kiểm tra giám sát tuân thủ việc triển khai Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2024, các quyết định của Hội đồng quản trị và Ban điều hành theo các quy định quản trị doanh nghiệp và điều lệ công ty. Cụ thể như sau:

**1.1 Các công việc đã thực hiện được:**

- Ban kiểm soát luôn bám sát kế hoạch năm 2024, trong đó tập trung vào việc giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc điều hành quản lý công ty. Qua giám sát cho thấy việc hoạt động của HĐQT đã tuân thủ theo đúng điều lệ của Công ty ban hành. Tuy nhiên qua việc giám sát cho thấy Ban Tổng giám đốc chưa thật sự chủ động, sáng tạo trong việc điều hành sản xuất kinh doanh, tình trạng chặt phá, chiếm đoạt cây muồng đen, lấn chiếm bờ lô, rào vườn cây cà phê nhận khoán trái phép... Vẫn diễn ra thường xuyên song chưa được ngăn chặn kịp thời, mới chỉ dừng lại ở việc lập biên bản vi phạm, nhưng người vi phạm không ký vào biên bản, đồng thời không báo cáo chính quyền địa phương để ngăn chặn và giải quyết dứt điểm. Nhiều người nhận khoán vi phạm hợp đồng giao khoán rất nghiêm trọng như: Tự ý chặt cà phê để ưu tiên phát triển

cây Sầu riêng và trồng nhiều cây trồng xen khác (Mắc ca, Cau, Tiêu, nghệ....) nhưng không kiểm tra, kiểm soát và tiến hành lập biên bản và xử lý kịp thời dẫn đến vườn cà phê giảm về số lượng cũng như chất lượng, năng suất giảm sâu. Việc ký kết hợp đồng giao khoán (đối với những hợp đồng đã hết hạn) chậm thực hiện, kết quả thấp hiện nay có trên 790 hợp đồng khoán gọn đã hết thời hạn nhưng chưa ký lại hợp đồng mới vẫn ngang nhiên chiếm dụng vườn cây của Công ty để sản xuất kinh doanh thu lợi bất hợp pháp, chỉ mới có 291/1310 hợp đồng được ký mới chiếm khoảng gần 22,21%, tăng so với năm 2024 hơn 4%. Ngoài ra đối với những người nhận khoán hợp đồng giao khoán còn thời hạn nhưng cần chuyển đổi hợp đồng sang tư cách pháp nhân mới thực được chưa nhiều chỉ chiếm khoảng trên 40% (192 người). Việc ký kết hợp đồng đối với những người nhận khoán thực hiện việc trồng mới sau thanh lý vườn cây mới 20/57 = 35,09% người, chưa thực hiện 64,91% với diện tích hơn 20 ha.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, tính thống nhất, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê, báo cáo tài chính.

- Kiến nghị HĐQT có biện pháp sửa đổi, bổ sung cải tiến việc theo dõi đối chiếu công nợ (nhất là đối với các hợp đồng nhận khoán đã hết hạn hợp đồng nhưng không đến đối chiếu công nợ với Công ty ...), gây khó khăn cho việc thu hồi công nợ, ảnh hưởng đến cơ cấu vốn, nguồn tài chính trong sản xuất kinh doanh. Tăng cường quản lý, giám sát và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Rút kinh nghiệm trong việc điều hành hỗ trợ phân bón thử nghiệm theo chương trình “Mít sui”, nhằm tránh việc người nhận khoán hiểu lầm.

- Đề nghị Hội đồng quản trị Công ty chỉ đạo các bộ phận chức năng bổ sung, kiện toàn hồ sơ công nợ, các tài liệu chứng cứ liên quan đến việc vi phạm hợp đồng giao khoán để tiến hành khởi kiện những người nhận khoán không hợp tác không trả nợ cho Công ty ra Tòa, để đòi nợ và chấm dứt hợp đồng, trả lại vườn cây cho Công ty theo quy định của pháp luật.

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị Công ty.

**1.2. Hạn chế cần khắc phục:** Trong năm 2024 Ban kiểm soát hoạt động giám sát chưa đều, đôi khi còn lúng túng bị động, chưa xây dựng cụ thể kế hoạch giám sát trong năm. Nguyên nhân: Do 100% thành viên ban kiểm soát là kiêm nhiệm và bận việc chuyên môn, nên chưa thực hiện được giám sát về việc ban hành nghị quyết của HĐQT về việc thanh toán chi phí đầu tư đối với người nhận khoán có diện tích tăng so với hợp đồng khoán cũ nay chuyển sang hợp đồng mới có diện tích tăng thêm, đôi lúc ban kiểm soát có phần sao nhãng nhiệm vụ được giao...

- Mặt khác hiện nay có một số hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động, hợp đồng khoán gọn... với các đối tác cần phải nghiên cứu chặt chẽ hơn để đảm bảo đúng quy



định của pháp luật, đồng thời giảm thiểu thiệt hại đối với Công ty khi có tranh chấp hợp đồng xảy ra, nhưng chưa được ban kiểm soát quan tâm giám sát đúng mức.

## **2. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành năm 2024:**

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát (“BKS”) đã triển khai hoạt động giám sát theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát không phát hiện gian lận trong hoạt động điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành cũng như trưởng các phòng ban của Công ty. Qua giám sát cho thấy việc điều hành sản xuất, quản lý vườn cây, theo dõi công nợ, theo dõi hợp đồng giao khoán vẫn chậm được cải thiện, nhiều vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh chưa được giải quyết kịp thời.

Các cuộc họp của HĐQT và Ban điều hành cơ bản được tổ chức theo đúng quy định, các Nghị quyết được ban hành trên cơ sở đảm bảo lợi ích tối đa cho Công ty và các Cổ đông. Tuy nhiên đôi lúc việc tổ chức, nội dung, thông báo kết luận còn chông chéo. Việc kiểm tra, thực hiện thông báo kết luận hàng tháng, quý đối với các phòng ban, bộ phận của HĐQT và ban Tổng giám đốc chưa sâu sát, hiệu quả chưa đạt so với kế hoạch đề ra.

## **3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty:**

Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc; Báo cáo tài chính được đơn vị kiểm toán xác nhận đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cà phê Thắng Lợi tại thời điểm 31/12/2024, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Các chỉ tiêu cơ bản theo Báo cáo tài chính kiểm toán như sau:

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024
1	Tổng doanh thu	306.140.005.571
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	59.433.323.355
3	Tài sản ngắn hạn	182.160.001.191
4	Tài sản dài hạn	60.923.018.323
5	Nợ phải trả	57.169.275.010
6	Vốn chủ sở hữu	185.913.744.504

## **4. Thù lao, tiền thưởng của Ban Kiểm soát năm 2024:**

Ban kiểm soát đã nỗ lực trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao và đã được chi trả thù lao, tiền thưởng với tổng số tiền là 31.911.111 đồng/năm.

## **5. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông:**

- BKS phối hợp chặt chẽ với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, giám sát việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông (“ĐHĐCĐ”) và các nghị quyết HĐQT.

- BKS đã nhận được đầy đủ các thông tin và nghị quyết của HĐQT, Báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty.

- Kiểm soát viên tham dự các phiên họp của HĐQT, trên cơ sở đó kịp thời theo sát các hoạt động của Công ty và việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ.

- BKS duy trì độc lập trong hoạt động kiểm tra giám sát của mình. Trong năm 2024, BKS cũng chưa nhận được kiến nghị nào của cổ đông đối với chỉ đạo và điều hành của HĐQT, BGĐ và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

## **6. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát, tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát**

- Trong phạm vi trách nhiệm, chức năng và quyền hạn của BKS theo quy định tại Điều lệ Công ty, tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy chế nội bộ có liên quan, BKS trong năm 2024 đã nỗ lực hoàn thành các công việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ. Tuy nhiên mức độ hoàn thành chưa cao.

- Trong năm 2024, Đại hội đồng cổ đông đã miễn nhiệm và bổ nhiệm mới một thành viên BKS, BKS đã tổ chức họp để phân công nhiệm vụ cho thành viên mới, trong năm 02 lần để phân công nhiệm vụ kiểm tra giám sát cho từng thành viên trong ban để đạt được hiệu quả cao trong quá trình kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty. Qua công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động của Công ty năm 2024, BKS có kết luận, kiến nghị như sau:

1. Về cơ bản Công ty và các thành viên HĐQT, BKS, BTGD, và các phòng ban của Công ty đã tuân thủ các quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty. Tuy nhiên việc giám sát hoạt động của các phòng ban bộ phận của HĐQT, BTGD đôi khi chưa sâu sát và kịp thời.

2. Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc chỉ đạo các phòng ban chức năng của Công ty khẩn trương chuẩn bị các tài liệu liên quan đến việc định giá tài sản Công ty TNHH MTV cà phê Thắng Lợi; Có kế hoạch làm việc với các ngành chức năng của địa phương và Trung ương để điều chỉnh vốn, tài sản của Công ty cổ phần hóa. Chuẩn bị tài liệu, chứng cứ phục vụ cho Đoàn thanh tra số 03 ngày 1/2/2024, thanh tra Công ty của Thanh tra tỉnh Đắk Lắk. Sớm bàn giao tài sản từ Công ty TNHH MTV sang Công ty cổ phần. Đồng thời chuẩn bị tài liệu để Công ty trả lời đầy đủ ý kiến của người nhận khoán theo quy định của pháp luật (trên 800 đơn phản ánh, trên 600 đơn đề nghị Công ty chấm dứt đòi nợ của người nhận khoán đối với Công ty) thể hiện sự minh bạch trong giao

khoán cũng như sản xuất kinh doanh...Hiện nay Đoàn thanh tra đang làm việc theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời gian tới đề nghị Công ty cần lưu ý trong việc kiện toàn hệ thống tổ chức quản lý và hệ thống nhân sự, hợp đồng lao động đúng quy định của pháp luật, để phù hợp với quy mô hiện tại cũng như xu hướng phát triển của công ty để mở rộng sản xuất kinh doanh, tạo sản phẩm mới đa dạng nhằm nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

4. Hiện nay nợ còn tồn đọng của người nhận khoán vườn cà phê của Công ty từ năm 2018 đến nay quá nhiều (khoảng trên 400 tỷ). Do vậy ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Những người nợ chủ yếu là cá nhân đang hợp đồng giao khoán với Công ty (07 niên vụ không nộp sản lượng giao khoán) nhiều người nhận khoán tự ý sang nhượng trái phép, một số người đã chết nhưng chưa giải quyết chuyển hợp đồng giao khoán theo đúng quy định, một số hộ thực hiện tái canh từ những năm trước đây cố tình không hợp tác với Công ty để thực hiện nghĩa vụ theo bản cam kết trước khi xin thanh lý vườn cây...Chính vì vậy, đề nghị hội đồng quản trị chỉ đạo các phòng ban chức năng tích cực, tìm mọi giải pháp để thu hồi công nợ. Đối với những trường hợp chây ỳ, không nộp sản lượng giao khoán, không thanh lý hợp đồng đã hết thời hạn giao khoán và ký kết hợp đồng giao khoán mới, không ký hợp đồng giao khoán chuyển sang kinh doanh, không hợp tác với Công ty thì kiên quyết khởi kiện ra tòa, thu hồi vườn cây theo đúng quy định của pháp luật.

5. Hiện nay có trên 70 bản án đã có hiệu lực thi hành nhưng chậm thi hành án . Do vậy đề nghị Ban Tổng giám đốc, HĐQT tích cực liên hệ UBND huyện Krông Pắc, UBND huyện CưMgar, UBND thành phố Buôn Ma Thuột các cơ quan thi hành án và các ngành chức năng để thi hành các bản án đã có hiệu lực pháp luật, nhằm đảm bảo kỷ cương pháp luật, bảo vệ tài sản và nguồn vốn của nhà nước tại Công ty và quyền lợi chính đáng của cổ đông.

*Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.*

**T/M BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



*Phạm Đình Bộ*



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

*Đắk Lắk, ngày 18 tháng 03 năm 2025*

**TỜ TRÌNH**

*(Số: 56/2025/TT – HĐQT)*

**V/v: Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày  
01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024**

**Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần cà phê Thăng Lợi**

*Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng Hòa  
Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;*

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cà phê Thăng Lợi kính trình Đại hội đồng cổ  
đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2024,  
cụ thể:

- Thời gian kiểm toán tài chính: từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024
- Đơn vị kiểm toán: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI  
NHÁNH PHÍA BẮC

*(Báo cáo tài chính được đính kèm).*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**CHỦ TỊCH HĐQT**

*Đỗ Hoàng Phúc*



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH</b>	1 – 2
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	3 – 4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 36

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI  
Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi liên thân là Công ty TNHH MTV Cà phê Thăng Lợi được cổ phần hóa theo quyết định 1128/QĐ-UBND ngày 22 tháng 04 năm 2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Công ty chính thức được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần từ ngày 09 tháng 10 năm 2019.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 6000182456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 10 tháng 8 năm 2007, thay đổi lần thứ 6 ngày 01 tháng 02 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 126.500.000.000 VND (Một trăm hai mươi sáu tỷ năm trăm triệu đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

### 2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty tại thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

Ông Đỗ Hoàng Phúc	Chủ tịch HĐQT	
Ông Phạm Xuân Thụ	Phó Chủ tịch HĐQT	(bổ nhiệm ngày 24/04/2024)
Ông Đỗ Hoàng Phương	Thành viên	
Bà Đặng Thị Huyền	Thành viên	
Bà Phạm Thị Linh	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 24/04/2024)
Bà Hoàng Thị Thu Hà	Thành viên	(miễn nhiệm ngày 24/04/2024)

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Xuân Thụ	Tổng Giám đốc	(miễn nhiệm ngày 02/10/2024)
Bà Hoàng Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đoàn Đình Hồng	Phó Tổng Giám đốc	

#### Ban Kiểm soát

Ông Phạm Đình Độ	Trưởng ban	
Bà Lê Đặng Uyên Đan	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 24/04/2024)

#### Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Đỗ Hoàng Phúc - Chủ tịch Hội đồng quản trị (sinh ngày 03/7/1957; dân tộc Kinh, quốc tịch Việt Nam; căn cước công dân số 037057001333 do Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 20/11/2017; địa chỉ thường trú: số 12 đường Trịnh Tú, phố Kim Đa, đường Ninh Khánh, Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam).

### 3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### 4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.



## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

### 5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

### 6. Công bố trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

### 7. Cam kết về công bố thông tin

Hội đồng quản trị cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020, Thông tư 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

### 8. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị



**Đỗ Hoàng Phúc**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Đắk Lắk, ngày 17 tháng 03 năm 2025





## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 17 tháng 03 năm 2025, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2024, Công ty vẫn chưa được quyết toán chi phí cổ phần hóa và xác định giá trị phần vốn nhà nước để bàn giao sang Công ty cổ phần do các vấn đề xử lý các tồn tại tài chính còn vướng mắc. Công ty đã có công văn số 733/CV-TL ngày 01 tháng 12 năm 2020 gửi UBND Tỉnh Đắk Lắk, Sở Tài chính Đắk Lắk và Ban chỉ đạo Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cà phê Thăng Lợi, theo đó trình xem xét quyết toán chi phí cổ phần hóa 1.089.000.000 VND, đồng thời kiến nghị xử lý giảm trừ một số khoản phải thu của các hộ nhận khoán, khoản âm quỹ khen thưởng phúc lợi, khoản tài sản thiếu chờ xử lý là giá trị còn lại của TSCĐ vườn cây cà phê bị các hộ tự ý chặt phá và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang năm 2018 không thu được sản lượng theo hợp đồng khoán vào giá trị phải nộp về Nhà Nước. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, giá trị của các khoản giảm trừ trên còn lại là 10.223.873.600 VND.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Tùy thuộc vào quyết định của Cơ quan quản lý, các số liệu trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi khi có quyết định chính thức.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cà phê Thắng Lợi tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số 8.1, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, về số liệu so sánh như sau:

Công ty Cổ phần Cà phê Thắng Lợi vẫn chưa được phê duyệt giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần. Do vậy, số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty có thể thay đổi khi có quyết định phê duyệt chính thức. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



**NGUYỄN XUÂN HÙNG**

**Phó Giám đốc**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 5701-2023-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM  
– CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

*Hà Nội, Việt Nam*

*Ngày 17 tháng 03 năm 2025*



**NGUYỄN VĂN VINH**

**Kiểm toán viên**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 5023 2025 009 1



TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>182.160.001.191</b>	<b>217.172.791.562</b>
<b>I/ Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>6.542.852.783</b>	<b>656.615.343</b>
1. Tiền	111		6.542.852.783	656.615.343
<b>II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>125.320.000.000</b>	<b>62.820.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		125.320.000.000	62.820.000.000
<b>III/ Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>8.422.934.882</b>	<b>24.279.055.963</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	355.493.367	17.439.406.266
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	268.332.142	2.161.908.892
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	19.038.572.497	16.422.392.249
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(11.250.599.751)	(11.755.788.071)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		11.136.627	11.136.627
<b>IV/ Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>41.711.399.381</b>	<b>128.403.229.117</b>
1. Hàng tồn kho	141		41.711.399.381	128.403.229.117
<b>V/ Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>162.814.145</b>	<b>1.013.891.139</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	147.073.627	149.237.238
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	729.501.991
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	15.740.518	135.151.910
<b>B/ TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>60.923.018.323</b>	<b>62.165.281.250</b>
<b>I/ Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II/ Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>35.724.559.652</b>	<b>35.147.164.629</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	35.524.004.372	34.855.737.345
- Nguyên giá	222		153.624.310.508	147.788.706.331
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(118.100.306.136)	(112.932.968.986)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	200.555.280	291.427.284
- Nguyên giá	228		454.360.000	454.360.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(253.804.720)	(162.932.716)
<b>III/ Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.10</b>	<b>11.903.316.000</b>	<b>13.336.343.772</b>
- Nguyên giá	231		31.556.798.566	31.556.798.566
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(19.653.482.566)	(18.220.454.794)
<b>IV/ Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.611.195.971</b>	<b>3.530.847.492</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	3.611.195.971	3.530.847.492
<b>V/ Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI/ Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.683.946.700</b>	<b>10.150.925.357</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	9.683.946.700	10.150.925.357
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>243.083.019.514</b>	<b>279.338.072.812</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B01 - DN

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>C/ NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>57.169.275.010</b>	<b>140.456.674.037</b>
<b>I/ Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>56.414.275.010</b>	<b>138.376.199.037</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	1.183.427.057	784.237.328
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	99.399.317	14.747.400
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	12.165.699.324	2.850.233.426
4. Phải trả người lao động	314		1.219.913.543	815.509.684
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	119.159.263	922.452.376
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	20.430.396.197	10.418.545.808
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	22.748.244.469	124.122.437.175
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		(1.551.964.160)	(1.551.964.160)
<b>II/ Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>755.000.000</b>	<b>2.080.475.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	755.000.000	2.080.475.000
<b>D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>185.913.744.504</b>	<b>138.881.398.775</b>
<b>I/ Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.18</b>	<b>185.913.744.504</b>	<b>138.881.398.775</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		126.500.000.000	126.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		126.500.000.000	126.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.381.398.775	7.495.095.820
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		47.032.345.729	4.886.302.955
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	1.351.255.672
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		47.032.345.729	3.535.047.283
<b>II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>243.083.019.514</b>	<b>279.338.072.812</b>



Đỗ Hoàng Phúc  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Đắk Lắk, ngày 17 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Thị Quỳnh Như  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Quỳnh Như  
Người lập biểu



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B02 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	293.676.622.715	456.039.524.753
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		293.676.622.715	456.039.524.753
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	224.745.895.395	434.197.763.367
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		68.930.727.320	21.841.761.386
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	6.474.769.261	7.396.020.274
7. Chi phí tài chính	22	6.4	3.083.781.157	6.074.212.616
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.305.531.684	2.094.969.535
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	7.155.925.020	8.320.954.261
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	8.885.727.238	12.702.795.661
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		56.280.063.166	2.139.819.122
11. Thu nhập khác	31	6.7	5.988.613.595	5.649.863.030
12. Chi phí khác	32	6.8	2.835.353.406	2.893.267.729
13. Lợi nhuận khác	40		3.153.260.189	2.756.595.301
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		59.433.323.355	4.896.414.423
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	12.400.977.626	1.361.367.140
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		47.032.345.729	3.535.047.283
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	3.718	279
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.11	3.718	279



Đỗ Hoàng Phúc  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Đắk Lắk, ngày 17 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Thị Quỳnh Như  
Kế toán trưởng

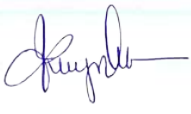
Nguyễn Thị Quỳnh Như  
Người lập biểu

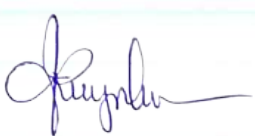


Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
<b>I/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	315.277.923.381	435.898.663.457
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(134.898.021.826)	(491.510.021.289)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(5.825.516.781)	(5.602.109.997)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.420.210.915)	(3.144.465.853)
5. Thuế TNDN đã nộp	05	(4.933.083.513)	(675.271.067)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	20.101.321.572	14.241.577.356
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(16.973.378.457)	(16.704.683.318)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>171.329.033.461</b>	<b>(67.496.310.711)</b>
<b>II/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.705.097.374)	(1.965.137.920)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(88.500.000.000)	(42.400.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác	24	26.000.000.000	33.060.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.261.388.853	1.694.515.717
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(62.943.708.521)</b>	<b>(9.610.622.203)</b>
<b>III/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	125.847.363.889	353.426.957.345
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(228.346.451.389)	(276.800.316.170)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(102.499.087.500)</b>	<b>76.626.641.175</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>5.886.237.440</b>	<b>(480.291.739)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>656.615.343</b>	<b>1.136.731.873</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		175.209
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>6.542.852.783</b>	<b>656.615.343</b>



Đỗ Hoàng Phúc  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Đắk Lắk, ngày 17 tháng 03 năm 2025

  
Nguyễn Thị Quỳnh Như  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thị Quỳnh Như  
Người lập biểu

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

## **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi liên thân là Công ty TNHH MTV Cà phê Thăng Lợi được cổ phần hóa theo quyết định 1128/QĐ-UBND ngày 22 tháng 04 năm 2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Công ty chính thức được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần từ ngày 09 tháng 10 năm 2019.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 6000182456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 10 tháng 8 năm 2007, thay đổi lần thứ 6 ngày 01 tháng 02 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 126.500.000.000 VND (Một trăm hai mươi sáu tỷ năm trăm triệu đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk.

### **1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là trồng, khai thác và chế biến kinh doanh cà phê.

### **1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 6000182456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 10 tháng 8 năm 2007, thay đổi lần thứ 6 ngày 01 tháng 02 năm 2023 hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Trồng cây cà phê;
- Chế biến, kinh doanh, xuất khẩu cà phê nhân;
- Chế biến, kinh doanh, xuất khẩu cà phê bột;
- Mua bán máy móc, vật tư, thiết bị phục vụ công, nông nghiệp;
- Dịch vụ du lịch, cho thuê văn phòng, nhà xưởng, nhà kho;
- Mua bán vật liệu xây dựng, mua bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan./.

### **1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

### **1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty.

## **2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.



### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư sửa đổi có liên quan.

#### **3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Hội đồng quản trị đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

#### **4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### **4.4 Các khoản đầu tư tài chính**

##### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.



Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

##### *Dự phòng nợ khó đòi*

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định tại Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn là các chi phí phân bổ trong thời hạn 12 tháng bao gồm cả các chi phí hoạt động chờ phân bổ tương ứng doanh thu trong năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09 - DN

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

**Chi phí thuê đất khu công nghiệp**

Chi phí thuê đất KCN Nam Tân Uyên được phân bổ theo thời gian thuê đất là 518 tháng tương đương khoảng 43 năm.

**Chi phí trả trước khác**

Chi phí trả trước khác gồm các chi phí sửa chữa tài sản, chi phí bảo hiểm, chi phí khác được phân bổ không quá 03 năm.

**4.8 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	10 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Vườn cây lâu năm	20

**4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

**4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### **4.11 Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp.

##### ***Quỹ đầu tư phát triển***

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo quy định tại điều lệ Công ty.

#### **4.12 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận chưa phân phối là lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ đi các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu các năm trước.

Lợi nhuận chưa phân phối được phân phối theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông sau khi bù trừ các khoản lỗ lũy kế (nếu có).

#### **4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **4.14 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09 - DN

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay dài hạn trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng cơ bản thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn vay bình quân cho hoạt động chăm sóc vườn cây cao su kiến thiết và vốn vay bình quân chăm sóc cho vườn cây cao su khai thác.

**4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**4.16 Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	358.433.401	154.936.869
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.184.419.382	501.678.474
Tiền gửi VND	6.175.401.204	481.457.916
Tiền gửi ngoại tệ	9.018.178	20.220.558
<b>Cộng</b>	<b>6.542.852.783</b>	<b>656.615.343</b>

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	356,79	9.018.178

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>125.320.000.000</b>	<b>125.320.000.000</b>	<b>62.820.000.000</b>	<b>62.820.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	125.320.000.000	125.320.000.000	62.820.000.000	62.820.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>125.320.000.000</b>	<b>125.320.000.000</b>	<b>62.820.000.000</b>	<b>62.820.000.000</b>

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng tại các ngân hàng với giá trị tại ngày 31/12/2024 cụ thể như sau:

- Tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN CN Đắk Lắk với tổng giá trị dư tại ngày 31/12/2024 là 28.820.000.000 VND, lãi suất từ 4,1%/năm – 4,6%/năm.
- Tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội CN Đắk Lắk với tổng giá trị dư tại ngày 31/12/2024 là 20.000.000.000 VND, lãi suất từ 5,3%/năm – 5,6%/năm.
- Tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong CN Đắk Lắk với tổng giá trị dư tại ngày 31/12/2024 là 2.700.000.000 VND, lãi suất từ 5,1%/năm – 5,7%/năm.
- Tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Nam Á CN Đắk Lắk với tổng giá trị dư tại ngày 31/12/2024 là 9.100.000.000 VND, lãi suất từ 5,1%/năm – 5,7%/năm.
- Tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội CN Đắk Lắk với tổng giá trị dư tại ngày 31/12/2024 là 50.200.000.000 VND, lãi suất từ 4,9%/năm - 5,3%/năm.
- Tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam CN Đắk Lắk với tổng giá trị dư tại ngày 31/12/2024 là 14.500.000.000 VND, lãi suất 4,2%/năm - 5,0%/năm.



**5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>				
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>355.493.367</b>	<b>-</b>	<b>17.439.406.266</b>	<b>-</b>
MITSUI & CO.LTD	-	-	4.975.891.200	-
MARUBENI CORPOPATION	-	-	12.274.804.080	-
Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Vương Thương	161.523.312	-	87.210.252	-
Các khách hàng khác	193.970.055	-	101.500.734	-
<b>Cộng</b>	<b>355.493.367</b>	<b>-</b>	<b>17.439.406.266</b>	<b>-</b>

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Trả trước các bên liên quan</b>				
<b>Trả trước các khách hàng khác</b>	<b>268.332.142</b>	<b>-</b>	<b>2.161.908.892</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH Xây dựng và Đo đạc bản đồ An Phúc	177.308.092	-	177.308.092	-
Viện năng lượng Công ty TNHH TM Sản xuất Kỹ thuật cơ khí ANPHA	-	-	998.600.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Bảo Kim Phát	-	-	492.426.000	-
Các đối tượng khác	91.024.050	-	230.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>268.332.142</b>	<b>-</b>	<b>2.161.908.892</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09 - DN

**5.5 Phải thu khác ngắn hạn**

	<b>31/12/2024</b>		<b>01/01/2024</b>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn tạm tính	2.251.727.459		847.235.233	-
Phải thu khác	16.786.845.038	(11.250.599.751)	15.575.157.016	(11.755.788.071)
Tiền thuê đất hộ nhận khoán và hộ liên kết phải nộp trước cổ phần hóa	7.211.269.365	(7.211.269.365)	7.828.189.660	(7.828.189.660)
Tiền thuê đất hộ nhận khoán và hộ liên kết phải nộp năm 2024 (i)	1.839.946.853	-	-	-
Tiền thuê đất hộ nhận khoán và hộ liên kết phải nộp năm 2023 (i)	1.018.781.677	(509.390.838)	1.315.608.764	-
Tiền thuê đất hộ nhận khoán và hộ liên kết phải nộp năm 2022 (i)	982.188.141	(491.094.071)	1.182.035.828	(591.017.914)
Tiền thuê đất hộ nhận khoán và hộ liên kết phải nộp năm 2021 (i)	945.187.369	(661.631.158)	1.113.022.033	(779.115.423)
Tiền thuê đất hộ nhận khoán và hộ liên kết phải nộp năm 2020 (i)	1.645.356.319	(1.645.356.319)	1.802.665.074	(1.802.665.074)
Tiền phân bón hộ nhận khoán và hộ liên kết phải nộp (i)	556.858.000	(556.858.000)	576.100.000	(576.100.000)
Vay tái canh (i)	175.000.000	(175.000.000)	178.700.000	(178.700.000)
Phải thu BHXH công nhân	194.356.912	-	200.934.333	-
Các khoản khác	2.217.900.402	-	1.377.901.324	-
<b>Cộng</b>	<b>19.038.572.497</b>	<b>(11.250.599.751)</b>	<b>16.422.392.249</b>	<b>(11.755.788.071)</b>

Khoản tiền thuê đất của các hộ liên kết, hộ nhận khoán phải nộp theo tỷ lệ và khoản tiền phân bón đã bán từ các năm trước hiện chưa có đối chiếu xác nhận do các hộ này không nhận các thư đối chiếu và không hợp tác hoàn trả các khoản nợ cho Công ty. Hiện tại, Công ty đang kiến nghị UBND tỉnh Đắk Lắk, Ban chỉ đạo cổ phần hóa cho phép giảm trừ khoản công nợ này vào giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần ngày 08/10/2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI  
Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09 - DN

Nợ xấu	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	T/g quá hạn	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	T/g quá hạn
	VND	VND		VND	VND	
Tiền thuế đất hộ nhận khoán và hộ liên kết phải nộp (trước 2020)	7.211.269.365	-	>3 năm	7.828.189.660	-	>3 năm
Tiền thuế đất hộ nhận khoán và hộ liên kết phải nộp (2020)	1.645.356.319	-	>3 năm	1.802.665.074	-	>3 năm
Tiền thuế đất hộ nhận khoán và hộ liên kết phải nộp (2021)	945.187.369	283.556.211	>2 năm	1.113.022.033	333.906.610	>2 năm
Tiền thuế đất hộ nhận khoán và hộ liên kết phải nộp (2022)	982.188.141	491.094.070	>2 năm	1.182.035.828	591.017.914	>1 năm
Tiền thuế đất hộ nhận khoán và hộ liên kết phải nộp (2023)	1.018.781.677	509.390.839	>1 năm	1.315.608.764	1.315.608.764	<1 năm
Tiền phân bổ hộ nhận khoán và hộ liên kết phải nộp	556.858.000	-	>3 năm	576.100.000	-	>3 năm
Tiền vay tái canh	175.000.000	-	>3 năm	178.700.000	-	>3 năm
Cộng	12.534.640.871	1.284.041.120		13.996.321.359	2.240.533.288	

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Cộng
VND	VND
(11.755.788.071)	(11.755.788.071)
(596.608.940)	(596.608.940)
1.101.797.260	1.101.797.260
(11.250.599.751)	(11.250.599.751)

Tại ngày 01/01/2024  
Trích lập dự phòng bổ sung  
Hoàn nhập dự phòng  
Tại ngày 31/12/2024



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09 - DN

**5.6 Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2024</b>		<b>01/01/2024</b>	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Nguyên liệu, vật liệu	1.415.302.291	-	1.004.509.042	-
Công cụ, dụng cụ	1.016.698.458	-	919.372.763	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	13.585.614.279	-	10.954.890.167	-
Thành phẩm	277.072.379	-	-	-
Hàng hoá	25.416.711.974	-	115.524.457.145	-
<b>Cộng</b>	<b>41.711.399.381</b>	<b>-</b>	<b>128.403.229.117</b>	<b>-</b>

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm khoản chi phí sản xuất từ năm 2018 đến năm 2024 với giá trị là 13.585.614.279 VND tương ứng với sản lượng năm từ 2018 đến 2024 còn phải thu của các hộ nhận khoán.

Đối với khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang từ năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty đánh giá việc thu hồi đủ là rất khó khăn và phát sinh rủi ro tiềm ẩn một khoản chi phí tồn đọng khó có khả năng thu hồi.

**5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn****5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2024</b> VND	<b>01/01/2024</b> VND
Chi phí trả trước ngắn hạn chờ phân bổ	147.073.627	149.237.238
<b>Cộng</b>	<b>147.073.627</b>	<b>149.237.238</b>

**5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>31/12/2024</b> VND	<b>01/01/2024</b> VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	271.965.083	634.585.577
Chi phí sửa chữa tài sản	281.968.646	68.678.241
Chi phí thuê đất KCN Nam Tân Uyên (i)	9.130.012.971	9.447.661.539
<b>Cộng</b>	<b>9.683.946.700</b>	<b>10.150.925.357</b>

(i) Chi phí thuê đất tại KCN Nam Tân Uyên từ cuối năm 2019, diện tích cho thuê là 15.000 m<sup>2</sup>, thời gian thuê là 35 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI  
Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09 - DN

5.8 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Vườn cây lâu năm		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>												
Số dư tại 01/01/2024	54.975.668.266		29.026.477.339		3.274.602.292		130.387.273		60.381.571.161		147.788.706.331	
Tăng trong năm	781.892.593		1.237.400.000		-		-		3.816.311.584		5.835.604.177	
Giảm trong năm	-		-		-		-		-		-	
Số dư tại 31/12/2024	55.757.560.859		30.263.877.339		3.274.602.292		130.387.273		64.197.882.745		153.624.310.508	
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>												
Số dư tại 01/01/2024	45.117.290.263		19.348.833.086		2.755.897.986		130.387.273		45.580.550.378		112.932.968.986	
Khấu hao trong năm	1.363.148.415		1.431.687.718		113.028.144		-		2.259.472.873		5.167.337.150	
Giảm trong năm									-		-	
Số dư tại 31/12/2024	46.480.438.678		20.780.520.804		2.868.926.130		130.387.273		47.840.033.251		118.100.306.136	
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>												
Số dư tại 01/01/2024	9.858.378.003		9.677.644.253		518.704.306		-		14.801.010.783		34.855.737.345	
Số dư tại 31/12/2024	9.277.122.181		9.483.356.535		405.676.162		-		16.357.849.494		35.524.004.372	
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:												
Số dư tại 01/01/2024	37.548.624.852		9.295.385.210		2.156.970.557		130.387.273		19.004.328.685		68.135.696.577	
Số dư tại 31/12/2024	37.548.624.852		10.995.693.414		2.156.970.557		130.387.273		19.004.328.685		69.836.004.781	



**5.9 Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2024	-	454.360.000	454.360.000
Số dư tại 31/12/2024	-	454.360.000	454.360.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
Số dư tại 01/01/2024	-	162.932.716	162.932.716
Khấu hao trong năm	-	90.872.004	90.872.004
Số dư tại 31/12/2024	-	253.804.720	253.804.720
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số dư tại 01/01/2024	-	291.427.284	291.427.284
Số dư tại 31/12/2024	-	200.555.280	200.555.280
Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			
Số dư tại 01/01/2024	-	-	-
Số dư tại 31/12/2024	-	-	-

**5.10 Tăng giảm bất động sản đầu tư**

	Nhà	Cơ sở hạ tầng	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2024	29.938.241.930	1.618.556.636	31.556.798.566
Số dư tại 31/12/2024	29.938.241.930	1.618.556.636	31.556.798.566
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
Số dư tại 01/01/2024	17.467.981.048	752.473.746	18.220.454.794
Khấu hao trong năm	1.352.099.940	80.927.832	1.433.027.772
Số dư tại 31/12/2024	18.820.080.988	833.401.578	19.653.482.566
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số dư tại 01/01/2024	12.470.260.882	866.082.890	13.336.343.772
Số dư tại 31/12/2024	11.118.160.942	785.155.058	11.903.316.000
Nguyên giá BĐS đầu tư cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			
Số dư tại 01/01/2024	-	-	-
Số dư tại 31/12/2024	-	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09 - DN

**5.11 Chi phí XDCB dở dang**

	01/01/2024	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng TSCĐ/ Kết chuyển hết dở dang trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Dự án điện gió và Dự án điện mặt trời (i)	-	907.818.182	907.818.182	-
Công trình Hệ thống nhà kho, xưởng chế biến cà phê và các loại nông sản khác	-	973.170.936	-	973.170.936
Vườn cây cà phê trồng từ năm 2020	3.530.847.492	2.923.489.127	3.816.311.584	2.638.025.035
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.530.847.492</b>	<b>4.804.478.245</b>	<b>4.724.129.766</b>	<b>3.611.195.971</b>

(i) Chi phí xây dựng dở dang của dự án nhà máy điện gió Thăng Lợi Đắk Lắk và dự án nhà máy điện mặt trời nổi Thăng Lợi. Theo Quyết định số 26/2023/NQ-HĐQT ngày 20/11/2023 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi phê duyệt từ năm 2024 ngừng triển khai dự án, ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

**5.12 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Phải trả nhà cung cấp khác</b>	<b>1.183.427.057</b>	<b>1.183.427.057</b>	<b>784.237.328</b>	<b>784.237.328</b>
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ 999	507.280.840	507.280.840	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ & Vận tải Tín Nghĩa	-	-	262.477.800	262.477.800
Công ty Cổ phần Bao bì nhựa TKT Việt Nam	497.067.516	497.067.516	497.067.516	497.067.516
Các đối tượng khác	179.078.701	179.078.701	24.692.012	24.692.012
<b>Cộng</b>	<b>1.183.427.057</b>	<b>1.183.427.057</b>	<b>784.237.328</b>	<b>784.237.328</b>

**5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2024</b>		<b>01/01/2024</b>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Phải trả nhà cung cấp khác</b>	<b>99.399.317</b>	<b>99.399.317</b>	<b>14.747.400</b>	<b>14.747.400</b>
MARUBENI CORPOPATION	99.399.317	99.399.317	-	-
Các đối tượng khác	-	-	14.747.400	14.747.400
<b>Cộng</b>	<b>99.399.317</b>	<b>99.399.317</b>	<b>14.747.400</b>	<b>14.747.400</b>



5.14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số phải thu 31/12/2024 VND	Số phải nộp 31/12/2024 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu 01/01/2024 VND	Số phải nộp 01/01/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	126.112.963	579.507.930	453.394.967	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	8.465.671.891	12.400.977.626	4.933.083.513	-	997.777.778
Thuế thu nhập cá nhân	15.740.518	-	241.274.817	252.012.148	5.003.487	-
Thuế tài nguyên	-	-	1.764.090	1.764.090	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	2.021.950.310	5.427.646.712	3.706.187.890	-	300.491.488
Các loại thuế khác	-	1.551.964.160	750.730.463	620.581.740	130.148.723	1.551.964.160
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Cộng	15.740.518	12.165.699.324	19.407.901.638	9.973.024.348	135.151.910	2.850.233.426

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09 - DN

**5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	16.150.634	161.566.938
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	27.377.929	468.180.580
Chi phí hoa hồng môi giới	-	47.472.480
Chi phí khác	75.630.700	245.232.378
<b>Cộng</b>	<b>119.159.263</b>	<b>922.452.376</b>

**5.16 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác****5.16.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả các đối tượng khác</b>	<b>20.430.396.197</b>	<b>20.430.396.197</b>	<b>10.418.545.808</b>	<b>10.418.545.808</b>
Kinh phí công đoàn	136.259.448	136.259.448	136.259.448	136.259.448
Bảo hiểm xã hội	84.735.272	84.735.272	84.735.272	84.735.272
Bảo hiểm y tế	5.866.703	5.866.703	5.604.218	5.604.218
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	-	-
Phải trả về cổ phần hóa	4.015.607.667	4.015.607.667	4.015.607.667	4.015.607.667
Nhận ký quỹ, ký cược	8.065.475.000	8.065.475.000	10.000.000	10.000.000
Vốn hợp tác đầu tư vườn cây của hộ nông dân	6.710.364.033	6.710.364.033	5.423.956.200	5.423.956.200
Phải trả khác	1.412.088.074	1.412.088.074	742.383.003	742.383.003
<b>Cộng</b>	<b>20.430.396.197</b>	<b>20.430.396.197</b>	<b>10.418.545.808</b>	<b>10.418.545.808</b>

**5.16.2 Phải trả dài hạn khác**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (i)	755.000.000	755.000.000	2.080.475.000	2.080.475.000
<b>Cộng</b>	<b>755.000.000</b>	<b>755.000.000</b>	<b>2.080.475.000</b>	<b>2.080.475.000</b>

(i) Nhận đặt cọc dài hạn tiền cho thuê nhà xưởng theo các Hợp đồng cho thuê.

5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	22.748.244.469	22.748.244.469	127.388.442.933	228.762.635.639	124.122.437.175	124.122.437.175
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam CN Đắk Lắk	1.468.415.970	1.468.415.970	23.005.619.479	91.344.293.159	69.807.089.650	69.807.089.650
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đắk Lắk	-	-	30.137.198.642	49.486.026.592	19.348.827.950	19.348.827.950
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Đắk Lắk	21.279.828.499	21.279.828.499	73.595.624.812	82.282.315.888	29.566.519.575	29.966.519.575
Các cá nhân khác	-	-	650.000.000	5.650.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	22.748.244.469	22.748.244.469	127.388.442.933	228.762.635.639	124.122.437.175	124.122.437.175

Thông tin bổ sung cho các vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Hợp đồng vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Hạn mức vay	Số dư nợ gốc tại 31/12/2024	Mục đích vay	Tài sản bảo đảm
Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam CN Đắk Lắk 190723/276952/HĐHM ngày 19/07/2023 và 021224/276952/HĐHM ngày 02/12/2024	04 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	70.000.000.000 VND	1.468.415.970	Vay Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất và kinh doanh cà phê xuất khẩu (Vay trả tiền thu mua cà phê)	Khoản vay được bảo đảm bằng các hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam



Thông tin bổ sung cho các vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp)				
Hợp đồng vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Hạn mức vay	Số dư nợ gốc tại 31/12/2024
<b>Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đắk Lắk</b>				
23.94.096/2023- HĐCV/HM/NHCT502- THANGLOI ngày 01/02/2023 và 24.94.072/2024- HĐCV/HM/NHCT502- THANGLOI ngày 24/12/2024	06 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	100.000.000.000 VND	-
<b>Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Đắk Lắk</b>				
135399.23.340.923045.TD Ngày 06/06/2023; Thỏa thuận chung số 135414.23.340.923045.TT ngày 01/10/2024 và Hợp đồng cấp tín dụng số 221404.24.340.923045.TD ngày 01/10/2024	06 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	60.000.000.000 VND	21.279.828.499
<b>Tổng cộng</b>				<b>22.748.244.469</b>



5.18    Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)
5.18.1 Biến động Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2023	126.500.000.000	-	7.495.095.820	1.351.255.672	135.346.351.492
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	3.535.347.283	3.535.047.283
Số dư tại 31/12/2023	126.500.000.000	-	7.495.095.820	4.886.302.955	138.881.398.775
Số dư tại 01/01/2024	126.500.000.000	-	7.495.095.820	4.886.302.955	138.881.398.775
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	47.032.345.729	47.032.345.729
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước (i)	-	-	4.886.302.955	(4.886.302.955)	-
Số dư tại 31/12/2024	126.500.000.000	-	12.381.398.775	47.032.345.729	185.913.744.504

(i) Trích quỹ đầu tư phát triển từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023.

5.18.2    Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
UBND tỉnh Đắk Lắk	45.540.000.000	36,00%	45.540.000.000	36,00%
Phạm Thị Linh	77.619.000.000	61,36%	77.619.000.000	61,36%
Các cá nhân khác	3.341.000.000	2,64%	3.341.000.000	2,64%
Cộng	126.500.000.000	100%	126.500.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09 - DN

### 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	256.376.945.903	429.209.461.805
Doanh thu bán thành phẩm	24.079.088.657	14.564.233.835
Doanh thu cho thuê kho	13.220.588.155	12.265.829.113
<b>Cộng</b>	<b>293.676.622.715</b>	<b>456.039.524.753</b>

#### 6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	214.595.594.394	419.915.582.149
Giá vốn của thành phẩm đã bán	8.432.589.135	12.533.491.367
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.717.711.866	1.748.689.851
<b>Cộng</b>	<b>224.745.895.395</b>	<b>434.197.763.367</b>

#### 6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.665.796.035	3.762.703.112
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.760.257.656	1.994.401.800
Doanh thu hoạt động tài chính khác	48.715.570	1.638.915.362
<b>Cộng</b>	<b>6.474.769.261</b>	<b>7.396.020.274</b>

#### 6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.305.531.684	2.094.969.535
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.056.986.309	1.383.637.942
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	88.943.289	782.189.863
Chi phí tài chính khác	632.319.875	1.813.415.276
<b>Cộng</b>	<b>3.083.781.157</b>	<b>6.074.212.616</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09 - DN

**6.5 Chi phí bán hàng**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên	2.062.467.478	1.732.859.041
Chi phí vật liệu, bao bì	222.691.876	332.394.418
Chi phí khấu hao TSCĐ	481.843.776	457.473.405
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.855.969.435	4.260.052.759
Chi phí bằng tiền khác	932.952.457	1.538.174.638
<b>Cộng</b>	<b>7.155.925.020</b>	<b>8.320.954.261</b>

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.513.116.392	4.142.930.044
Chi phí vật liệu quản lý	246.790.330	858.695.382
Chi phí khấu hao TSCĐ	393.679.128	380.141.250
Thuế, phí và lệ phí	1.698.467.710	1.199.962.794
Chi phí dự phòng (trích lập)	596.608.940	3.266.953.282
Chi phí dự phòng (hoàn nhập)	(1.101.797.260)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	767.848.687	440.901.362
Chi phí bằng tiền khác	1.771.013.311	2.413.211.547
<b>Cộng</b>	<b>8.885.727.238</b>	<b>12.702.795.661</b>

**6.7 Thu nhập khác**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu từ bồi thường hợp đồng	320.000.000	-
Các khoản thu tư thanh lý cây muồng đen và thu nhập khác	5.668.613.595	5.649.863.030
<b>Cộng</b>	<b>5.988.613.595</b>	<b>5.649.863.030</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09 - DN

**6.8 Chi phí khác**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Khấu hao TSCĐ không sử dụng sản xuất kinh doanh	281.996.040	281.968.011
Chi phí dở dang dự án điện gió	907.818.182	1.586.090.909
Các khoản khác	1.645.539.184	1.025.208.809
<b>Cộng</b>	<b>2.835.353.406</b>	<b>2.893.267.729</b>

**6.9 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	59.433.323.355	4.896.414.423
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	2.340.790.565	1.910.421.279
Các khoản điều chỉnh tăng	2.340.790.565	1.910.421.279
Các khoản chi phí không được trừ	2.340.790.565	1.891.648.470
Các khoản chi phí không được trừ năm trước	-	18.772.809
<b>Thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>61.774.113.920</b>	<b>6.806.835.702</b>
<b>Thuế suất thuế TNDN</b>	<b>20%</b>	<b>20%</b>
<b>Thuế TNDN năm hiện hành</b>	<b>12.354.822.784</b>	<b>1.361.367.140</b>
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	46.154.842	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>12.400.977.626</b>	<b>1.361.367.140</b>

**6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	47.032.345.729	3.535.047.283
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	47.032.345.729	3.535.047.283
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	12.650.000	12.650.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.718</b>	<b>279</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI**

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09 - DN

**6.11 Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	47.032.345.729	3.535.047.283
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	47.032.345.729	3.535.047.283
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12.650.000	12.650.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>3.718</b>	<b>279</b>

**6.12 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân công	7.763.733.590	5.875.789.085
Chi phí nguyên liệu, công cụ dụng cụ	131.290.225.129	500.694.762.933
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.691.236.926	6.345.823.537
Thuế, phí, lệ phí	1.698.467.710	1.199.962.794
Chi phí dự phòng (trích lập)	596.608.940	3.266.953.282
Chi phí dự phòng (hoàn nhập)	(1.101.797.260)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.945.158.170	4.700.954.121
Chi phí khác bằng tiền	2.703.965.768	3.951.386.185
<b>Cộng</b>	<b>153.587.598.973</b>	<b>526.035.631.937</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	125.847.363.889	353.426.957.345

**7.2 Tiền trả nợ gốc vay**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	228.346.451.389	276.800.310.170



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09 - DN

**8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lí rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ			
	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.542.852.783	-	656.615.343	-
Phải thu khách hàng	355.493.367	-	17.439.406.266	-
Phải thu về cho vay	-	-	-	-
Phải thu khác	19.736.165.275	(11.250.599.751)	16.422.392.249	(11.755.788.071)
Đầu tư tài chính	125.320.000.000	-	62.820.000.000	-
	<b>151.954.511.425</b>	<b>(11.250.599.751)</b>	<b>97.338.413.858</b>	<b>(11.755.788.071)</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	22.748.244.469	-	124.122.437.175	-
Phải trả người bán	1.183.427.057	-	784.237.328	-
Chi phí phải trả	119.159.263	-	922.452.376	-
Phải trả khác	21.882.988.975	-	12.499.020.808	-
	<b>45.933.819.764</b>	-	<b>138.328.147.687</b>	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Quản lí rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09 - DN

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và giá khác như giá cổ phiếu. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>				
Vay và nợ	22.748.244.469	-		22.748.244.469
Phải trả người bán	1.183.427.057			1.183.427.057
Chi phí phải trả	119.159.263			119.159.263
Phải trả khác	21.127.988.975	755.000.000	-	21.882.988.975
<b>Cộng</b>	<b>45.178.819.764</b>	<b>755.000.000</b>	<b>-</b>	<b>45.933.819.764</b>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Vay và nợ	124.122.437.175	-		124.122.437.175
Phải trả người bán	784.237.328			784.237.328
Chi phí phải trả	922.452.376			922.452.376
Phải trả khác	10.418.545.808	2.080.475.000	-	12.499.020.808
<b>Cộng</b>	<b>136.247.672.687</b>	<b>2.080.475.000</b>	<b>-</b>	<b>138.328.147.687</b>

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI**

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09 - DN

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.542.852.783	-	-	6 542 852 783
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.394.065.864	-	-	19.394.065.864
Đầu tư tài chính	125.320.000.000	-	-	125.320.000.000
Tài sản tài chính khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>151.256.918.647</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>151.256.918.647</b>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	656.615.343	-	-	656.615.343
Phải thu khách hàng và phải thu khác	33.861.798.515	-	-	33.861.798.515
Đầu tư tài chính	62.820.000.000	-	-	62.820.000.000
Tài sản tài chính khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>97.338.413.858</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>97.338.413.858</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

## 9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

### 9.1 Số liệu so sánh

Số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2024 được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc.

Do đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa được quyết toán chi phí cổ phần hóa và xác định giá trị phần vốn nhà nước để bàn giao sang Công ty cổ phần. Vì vậy, số liệu đầu năm có thể thay đổi sau khi Công ty được Cơ quan quản lý phê duyệt chính thức.

### 9.2 Báo cáo bộ phận

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh trong cùng khu vực địa lý mà không có sự khác biệt về điều kiện sản xuất kinh doanh và loại hình kinh doanh dịch vụ là chủ yếu. Do đó, không có Báo cáo bộ phận được trình bày.

### 9.3 Những khoản nợ tiềm tàng

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

### 9.4 Thông tin về bên liên quan

*Giao dịch với bên liên quan khác*



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI**

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09 - DN

Các giao dịch với công ty có liên quan trong năm cụ thể như sau

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Số tiền
			VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk	Công ty liên quan	Doanh thu bán cà phê	14.925.926
		Mua nước đóng chai	10.379.902
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Nam Phương	Công ty liên quan	Doanh thu bán cà phê	55.824.075

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

Thành viên Quản lý chủ chốt	Chức danh	Tiền lương và thù lao	
		Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Đỗ Hoàng Phúc	Chủ tịch HĐQT	548.500.000	285.937.234
Ông Phạm Xuân Thụ	Tổng Giám đốc	352.588.889	260.170.213
	Phó chủ tịch HĐQT		
Ông Đỗ Hoàng Phương	Thành viên HĐQT	80.366.667	45.872.340
Bà Phạm Thị Linh	Thành viên HĐQT	30.000.000	-
Bà Đặng Thị Huyền	Thành viên HĐQT	216.481.704	165.403.957
Bà Hoàng Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc	318.228.889	225.885.106
Ông Đoàn Đình Hồng	Phó Tổng Giám đốc	294.308.889	225.885.106
Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 19/06/2023)	6.000.000	85.841.008
Nguyễn Thị Quỳnh Như	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 19/06/2023)	215.647.140	87.019.585
<b>Tổng cộng</b>		<b>2.062.122.178</b>	<b>1.382.014.549</b>

**9.5 Thông tin về hoạt động liên tục**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình, do đó theo đánh giá của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính của Công ty chắc chắn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

**9.6 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



Đỗ Hoàng Phúc  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Đắk Lắk, ngày 17 tháng 03 năm 2025

*(Signature)*

Nguyễn Thị Quỳnh Như  
Kế toán trưởng

*(Signature)*

Nguyễn Thị Quỳnh Như  
Người lập biểu





**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LÔI**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

*Đắk Lắk, ngày 18 tháng 03 năm 2025*

**TỜ TRÌNH**

*(Số: 57/2025/TT – HĐQT)*

***V/v: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và thực hiện chia cổ tức đối với lợi nhuận sau thuế năm 2024***

**Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lôi**

*Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lôi.*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua các nội dung về Phương án phân phối lợi nhuận và thực hiện chia cổ tức đối với lợi nhuận sau thuế năm 2024 như sau:

**1. Phương án phân phối lợi nhuận từ 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024:**

STT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện
1	Tổng doanh thu	Đồng	306.140.005.571
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Đồng	59.433.323.355
3	Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	Đồng	47.032.345.729
4	Cổ tức năm 2024	Đồng	0
5	Tỷ lệ chia cổ tức trên lợi nhuận	%	0

HĐQT đề xuất phương án phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp từ 01/01/2024 đến 31/12/2024 là 47.032.345.729 đồng sẽ không chia cổ tức mà thực hiện trích 100% lợi nhuận vào quỹ đầu tư phát triển Công ty vì những lý do sau:

- Hiện tại Công ty vẫn chưa quyết toán vốn nhà nước nên chưa có cơ sở xác định tỷ lệ vốn để chia.
- Để đầu tư nhà xưởng, hệ thống máy móc thiết bị và đầu tư khác để mở rộng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

## 2. Triển khai thực hiện:

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy toàn quyền cho Hội đồng quản trị quyết định và triển khai thực hiện các công việc liên quan sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận được trình như trên.

*Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.*

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**CHỦ TỊCH HĐQT**

*Đỗ Hoàng Phúc*



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LÔI**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

*Đắk Lắk, ngày 18 tháng 03 năm 2025*

**TỜ TRÌNH**

*(Số: 58/2025/TT – HĐQT)*

**V/v: Thông qua Thù lao tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch năm 2025**

**Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lôi**

*Căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 về việc thông qua kế hoạch chi thù lao đối với HĐQT và BKS.*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua Tổng mức thù lao (bao gồm lương và thưởng) của HĐQT, BKS năm 2024 và Kế hoạch thù lao (bao gồm lương và thưởng) năm 2025 như sau:

*ĐVT: Đồng*

STT	Nội dung	Tổng thù lao thực hiện năm 2024	Kế hoạch thù lao năm 2025	Ghi chú
01	Hội Đồng Quản Trị (5 TV)	811.766.667	2.000.000.000	Năm 2024 chỉ chi lương hàng tháng cho 02 TV HĐQT (Trong đó có 01 TV HĐQT được chi lương từ Tháng 10)
02	Ban kiểm soát (3 TV)	31.911.111	200.000.000	Năm 2024 chỉ chi lương hàng tháng cho 1 TV BKS

*Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.*

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**CHỦ TỊCH HĐQT**

*Trở Hoàng Phúc*





**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

*Đắk Lắk, ngày 18 tháng 03 năm 2025*

**TỜ TRÌNH**

*(Số: 59/2025/TT – HĐQT)*

**V/v: Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị Kiểm toán**

**Báo cáo tài chính năm 2025**

**Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lợi**

Thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các quy định của pháp luật khác, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty, tiêu chí lựa chọn như sau:

- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, tuân thủ các quy định của pháp luật về các điều kiện đối với tổ chức kiểm toán được chấp thuận.
- Thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của pháp luật;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán và có kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng, công ty niêm yết và các tổ chức ngân hàng, tài chính lớn tại Việt Nam;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với chất lượng kiểm toán.

Trên cơ sở các tiêu chí lựa chọn trên, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2025 phù hợp với tình hình thực tế trong năm và đáp ứng các tiêu chí trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**CHỦ TỊCH HĐQT**

*Đỗ Hoàng Phúc*



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

*Đắk Lắk, ngày 18 tháng 03 năm 2025*

**TỜ TRÌNH**

*(Số: 60/2025/TT – HDQT)*

**V/v không nhất trí với một số nội dung Kết luận Thanh tra số 42/KL-TTr ngày 28/02/2025**

**Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần cà phê Thắng Lợi**

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thanh tra tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Kết luận Thanh tra số 42/KL-TTr ngày 28/02/2025 về việc thanh tra tại Công ty cổ phần cà phê Thắng Lợi. Theo đó, nội dung kết luận thanh tra đã đưa ra các nội dung không phù hợp với quy định pháp luật, một số dữ liệu, căn cứ mà Đoàn thanh tra số 03 đưa ra chưa đúng thực tế khách quan, chưa công tâm, áp dụng chưa đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp cũng như uy tín của Công ty ở trong nước cũng như Quốc tế. Trong khi chờ nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị đã chủ động làm đơn kiến nghị đối với kết luận thanh tra. Nội dung cụ thể như sau:

Toàn bộ diện tích 616,4 ha đất Công ty đang Hợp đồng liên kết trồng cà phê với người lao động là do Công ty khai hoang từ năm 1978 đến năm 1979 và trồng cây cà phê từ năm 1977 - 1980 nhưng do Nông trường cà phê Thắng Lợi thời kì đó chưa nắm vững kỹ thuật, chăm sóc không đảm bảo kỹ thuật nên cây cà phê phát triển kém, bị chết nên phải thanh lý 1.299,69 ha.

Thực hiện Quyết định số 381/QĐ-UB ngày 08/6/1985 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành chính sách khuyến khích phát triển cà phê ở Đắk Lắk và Quyết định số 1163/QĐ-UB, ngày 08/10/1986 về việc bổ sung và sửa đổi một số điểm trong Quyết định 381 về chính sách khuyến khích phát triển cà phê. Từ những năm 1987, Nông trường Thắng Lợi đã tiến hành chia 576,11 ha đất (Do Nông trường cà phê Thắng Lợi trồng mới cà phê nhưng do kỹ thuật chăm sóc không đảm bảo kỹ thuật nên bị thanh lý), cho hơn 1000 hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân và người ngoài đơn vị để trồng cà phê, phát triển kinh tế phụ gia đình. Vận dụng quy định tại Điểm 2, Mục II về việc cấp đất và sử dụng đất (Quyết định số 1163/QĐ-UB, ngày 08/10/1986 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk), Quy định: Thời hạn sử dụng đất “Sau khi được giao đất, người làm cà phê được sử dụng đất trong 20 năm tính từ khi trồng mới; Điểm 3 quyền thừa kế sử dụng đất quy định “Quyền thừa kế cũng chỉ được trong phạm vi 20 năm, kể cả thời gian của người sử dụng đất trước đó”.

Từ đầu năm 2004: Do hầu hết diện tích cà phê người đang hợp đồng liên kết tự đầu tư (100% vốn), (theo Quyết định số 381/QĐ-UB ngày 08/6/1985 và Quyết định số 1163/QĐ-UB, ngày 08/10/1986 của UBND tỉnh Đắk Lắk), đang trong thời kỳ kinh doanh có hiệu quả, nên Công ty cà phê Thắng Lợi và các hộ đã thống nhất chuyển toàn bộ diện tích đất mà Nông trường cà phê Thắng Lợi giao trước đây sang Hợp đồng liên kết trồng cà phê. Theo Hợp đồng này thì thời hạn hợp đồng 50 năm, kể từ năm trồng mới (tức là kể từ lúc giao đất từ những năm 1987). Ngoài những nội dung nêu trên còn có một số nội

dung liên quan đến việc xác định giá trị doanh nghiệp chưa đúng với quy định của pháp luật.

Ngày 31/01/2019, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 249/QĐ-UBND V/v phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV cà phê Thắng Lợi Tại khoản 10, Điều 1 Phương án sử dụng đất nêu: Đối với phương án sử dụng đất tại Đắc Lắc, Công ty cổ phần Cà phê Thắng Lợi thực hiện quản lý, sử dụng đất theo phương án sử dụng đất đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2300/QĐ-UBND ngày 28/8/2017.

Ngày 2/10/2019 Công ty cổ phần tiến hành Đại hội cổ đông lần thứ nhất. Ngày 9/10/2019 Công ty được Sở kế hoạch tỉnh Đắc Lắc cấp “*Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần ; Mã số doanh nghiệp : 600182456; đăng ký lần đầu: ngày 10 tháng 8 năm 2007; Đăng ký thay đổi lần thứ 5 , ngày 09 tháng 10 năm 2019. ( Chuyển đổi từ : Công ty TNHH một thành viên cà phê Thắng Lợi)*”. Theo đúng quy định pháp luật . Theo quy định tại Khoản 2 Điều 110 luật doanh nghiệp 2014, : **“Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”** Cũng theo quy định tại Khoản 4 Điều 196 Luật doanh nghiệp 2014 thì : **“Công ty chuyển đổi đương nhiên kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ, gồm cả nợ thuế, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ khác của công ty được chuyển đổi”**. Theo đó Công ty cổ phần cà phê Thắng Lợi có tư cách pháp nhân kể từ ngày 9/10/2019 và **đương nhiên** có quyền khởi kiện đối với những người nhận khoán vườn cây, hợp đồng liên kết trồng cà phê trước đây ký kết hợp đồng giao khoán với Công ty TNHH MTV cà phê Thắng Lợi, ký kết hợp đồng mới thanh lý hợp đồng giao khoán cũ và có quyền đòi nợ khi Người hợp đồng liên kết trồng cà phê.

Từ những căn cứ pháp lý nêu trên. Đại hội cổ đông thường niên năm 2025:

**Không đồng ý với một số nội dung trong kết luận thanh tra như sau:**

*Một là:* Chánh Thanh tra tỉnh kiến nghị UBND tỉnh: “Chỉ đạo Công ty cổ phần cà phê Thắng Lợi và cơ quan chức năng, đơn vị có liên quan rà soát, thực hiện các thủ tục theo quy định, trình UBND tỉnh quyết định thu hồi diện tích 616,4 ha đất cà phê trồng liên kết giữa Công ty TNHH MTV cà phê Thắng Lợi với các hộ dân tại huyện Krông Pắc để giao về địa phương quản lý theo quy định tại Điều 181, Luật Đất đai 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật đất đai hiện hành”.

Lý do: Không đúng quy định của Luật đất đai; Không đúng tinh thần Nghị quyết số 30-NQ/TW, ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp được Luật hoá tại Nghị định 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ Về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp. Cụ thể : Tại Điều 1 quy định Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng ; khoản 2, Đối tượng áp dụng ; điểm a nêu : “*Các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông , lâm nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ ( sau đây gọi chung là Công ty nông, lâm nghiệp)*...”. Mặt khác tại khoản 1 Điều 181 Luật đất đai năm 2024 quy định: “Chế độ sử dụng đất do các công ty nông lâm nghiệp quản lý, sử dụng” . Như vậy đối chiếu với quy định của pháp luật thì ; Công ty cổ phần cà phê Thắng Lợi hiện nay không phải là đối tượng áp dụng Nghị định 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 và điểm đ khoản 1 Điều 181 Luật đất đai năm 2024. Đoàn thanh tra áp dụng chưa đúng quy định pháp luật. Như vậy Công ty cổ phần cà phê



Thăng Lợi hiện nay không phải là đối tượng áp dụng nghị định 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014.

- *Hai là* : Đoàn Thanh tra yêu cầu Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cà phê Thăng Lợi, Đơn vị tư vấn và các đơn vị có liên quan thực hiện: Đưa giá trị vốn góp đầu tư vườn cây của người nhận khoán (49%) vào tài sản doanh nghiệp (kể cả 49% giá trị của diện tích 60,3422 ha cà phê tái canh đã chuyển lên kinh doanh và đã ký hợp đồng với người nhận khoán) để chuyển giao cho Công ty cổ phần thực hiện quản lý, hạch toán tài sản theo quy định là không đúng.

Lý do: Trái với quy định tại khoản 1, Điều 14 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển DNNN thành công ty cổ phần, quy định: “*Đối với tài sản do doanh nghiệp cổ phần hóa thuê, mượn, nhận góp vốn liên doanh, liên kết và các tài sản khác không phải của doanh nghiệp thì không tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa*”.

- *Ba là*: Về việc “Xử lý số tiền truy thu tiền thuê đất theo kết luận Kiểm toán nhà nước (11.495.637.672 đồng) theo quy định tại điều 15, điều 16 Nghị định 126/2017/NĐ-CP và Khoản 9, khoản 10, điều 1 nghị định 140/2020/NĐ-CP của Chính phủ” theo kiến nghị của Chánh thanh tra là chưa đúng quy định. Do vậy Công ty đề nghị Chánh thanh tra kiến nghị UBND tỉnh giảm trừ vào phần vốn thực tế tại doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 27 nghị định 126 với số tiền là: 11.459.637.672 đồng; Theo kết luận của kiểm toán khu vực XII.

- Lý do: Do giá trị doanh nghiệp đã được bán công khai trên thị trường chứng khoán (HOSE) theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Nhà đầu tư, cổ đông đã thanh toán tiền cho nhà nước theo đúng quy định.

Căn cứ theo các nội dung như trên, Hội Đồng Quản Trị Công ty kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét về việc không đồng ý với một số kiến nghị và biện pháp xử lý tại Kết luận Thanh tra số 42/KL-TTr ngày 28/02/2025. Đồng thời, giao thẩm quyền cho Hội Đồng Quản Trị thực hiện các quyền liên quan theo quy định pháp luật để tiếp tục kiến nghị, khiếu nại, tố cáo khởi kiện bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của Nhà nước, Nhà đầu tư, cũng như cổ đông của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**CHỦ TỊCH HĐQT**

*Đỗ Hoàng Phúc*



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỘI**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

*Đắk Lắk, ngày 18 Tháng 03 năm 2025*

**BÁO CÁO**

*(Số: 60/2025/BC – HĐQT)*

**Về kết quả thực hiện hợp đồng, giao dịch giữa công ty và người có liên quan năm 2024**

**Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần cà phê Thăng Lội**

*Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;*

*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần cà phê Thăng Lội;*

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty thường niên năm 2024 ngày 24/04/2024 về phê duyệt chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty và người có liên quan. Hội Đồng Quản Trị kính báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông về kết quả thực hiện hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Người có liên quan năm 2024 cụ thể như sau:

STT	Số hợp đồng/Phụ lục hợp đồng	Nội dung thực hiện	Giá trị thực năm 2024 (Đồng)
I	<b>Công ty cổ phần cấp nước Đắk Lắk</b> Số 339 Tôn Đức Thắng, P. Tân An, TP. BMT, tỉnh Đắk Lắk MST: 6000175995		
1	06/2024-HĐMB ngày 01/05/2024	Hợp đồng nguyên tắc về việc cung ứng hàng hoá sản phẩm nước uống ( <i>Hợp đồng nguyên tắc về ký kết giao dịch mua bán, giá trị thực hiện phát sinh theo từng đơn hàng cụ thể</i> )	<b>11.209.754</b>

2	19/2024-HĐMDĐ ngày 19/04/2024	Hợp đồng nguyên tắc về việc cung ứng hàng hoá sản phẩm cà phê ( <i>Hợp đồng nguyên tắc về ký kết giao dịch mua bán, giá trị thực hiện phát sinh theo từng đơn hàng cụ thể</i> )	<b>16.120.000</b>
<b>II</b>	<b>Công Ty TNHH Đầu Tư Và Thương Mại Nam Phương</b> Km số 7, cụm Công nghiệp Mai Sơn, xã Mai Sơn, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình MST: 2700281328		
	01/TL-NP.2024 ngày 21/11/2024	Hợp đồng nguyên tắc về mua bán cà phê ( <i>Hợp đồng nguyên tắc về ký kết giao dịch mua bán, giá trị thực hiện phát sinh theo từng đơn hàng cụ thể</i> )	<b>60.290.000</b>

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu: Cty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**CHỦ TỊCH HĐQT**

*Đỗ Hoàng Phúc*